

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Đoàn Sơn Anh**
Giảng viên hướng dẫn : **Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH MAY VIỆT HÀN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Sơn Anh
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Sơn Anh

Mã SV: 1012401003

Lớp: QT1405K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Việt Hàn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn , trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2013

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH May Việt Hàn

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 01 tháng 04 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 01 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Đoàn Sơn Anh

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....10(Mười).....
.....

Hải Phòng, ngày ..27. tháng ...06... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	2
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu	2
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp	4
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	6
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	9
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.4.2. Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.4.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	16
1.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	18
1.4.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	20
1.4.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	24

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN.....	25
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH may Việt Hàn.....	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may Việt Hàn	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	26
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH may Việt Hàn	26
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH may Việt Hàn	28
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH may Việt Hàn	28
2.1.4.2. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH may Việt Hàn.....	30
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Việt Hàn	32
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.....	32
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	32
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	42
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	47
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng chi phí tài chính và chi phí khác.....	53
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính	57
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	62
2.2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp.	68
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác.....	74
2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	80
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	80

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN	87
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	87
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Hạn Chế.....	89
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	90
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	90
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	91
3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH May Việt Hàn	91
3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty TNHH may Việt Hàn.....	92
3.2.2.3. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động tại công ty TNHH may Việt Hàn	95
3.2.2.4. Sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn	96
3.2.2.5. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:	97
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập hợp tác quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, mỗi doanh nghiệp dù ở bất cứ thành phần kinh tế nào, ở bất cứ ngành nghề nào, đều phải đối mặt với những khó khăn thử thách và những sự cạnh tranh gay gắt. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp đều phải không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao năng lực quản lý, khả năng sử dụng nguồn nhân lực và tài sản của doanh nghiệp. Để nâng cao năng lực quản lý, doanh nghiệp phải sử dụng hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau, trong đó vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất tức là tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí.

Nhận thức được điều đó, qua một thời gian thực tập, tìm hiểu về việc tổ chức kế toán tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn May Việt Hàn (GARVIHA), được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS. Trần Thị Thanh Phương và được các anh chị trong phòng kế toán của công ty tạo điều kiện, giúp đỡ, em đã lựa chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Việt Hàn”. Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Việt Hàn

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Việt Hàn.

Do thời gian còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên báo cáo của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Đoàn Sơn Anh

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu

❖ **Khái niệm**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

Doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng thêm vốn chủ sở hữu.

❖ **Phân loại doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ cấp thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi hàng bán trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi cho thuê tài chính, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản
- Cổ tức và lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản thu hoạt động tài chính khác

❖ **Thu nhập khác**

Là các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán hàng và cho thuê tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Các khoản thuế được Ngân sách nhà nước hoàn lại
- Thu các khoản phải trả không xác định được chủ
- Thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài những khoản trên

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

❖ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách, hoặc lạc hậu không còn phù hợp với thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau: đều là giảm cho người mua song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn

❖ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không

đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ

❖ **Các loại thuế: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp**

– Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu khi doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

– Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp có nghĩa vụ phải nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

– Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ báo cáo.

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp

✚ Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 01 “Chuẩn mực chung”_ Ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002 QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng bộ tài chính: Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dựa trên hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

✚ Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá tiêu thụ.

Việc xác định giá vốn hàng bán là hết sức quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay còn nhiều biến động thì các doanh nghiệp càng phải quan tâm trong việc lựa

chọn phương pháp xác định giá vốn thích hợp cho mình sao cho có lợi ích nhất mà vẫn phản ánh đúng giá vốn của hàng hoá theo quy định của Bộ tài chính.

❖ **Chi chí bán hàng:** Là bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh dưới hình thức tiền tệ để thực hiện các nghiệp vụ bán hàng. Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp, dịch vụ, bao gồm các chi phí chào bán, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ các hợp đồng xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác...

❖ **Chi phí tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

❖ **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có),
- chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh. tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế.
- các khoản chi phí khác...

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

Phương pháp tính thuế TNDN

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Khái niệm :

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- **Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường:** Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đối với doanh nghiệp trong sự tồn tại và phát triển nói chung , trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng . Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ từ đó đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác việc xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh	=	Kết quả hoạt động bán hàng	+	Kết quả hoạt động tài chính	+	Kết quả hoạt động kinh doanh khác
---------------------------	---	----------------------------	---	-----------------------------	---	-----------------------------------

Trong đó:

$$\text{Kết quả hoạt động bán hàng} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý DN}$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí) và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ

không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhập, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

– Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh thu đã được chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn
- Doanh thu đã được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTKT)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi

- Báo cáo bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng...)

✚ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản 512 Doanh thu bán hàng nội bộ có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5122: Doanh thu bán thành phẩm
- TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ Tài khoản 521: “Chiết khấu thương mại”

Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2

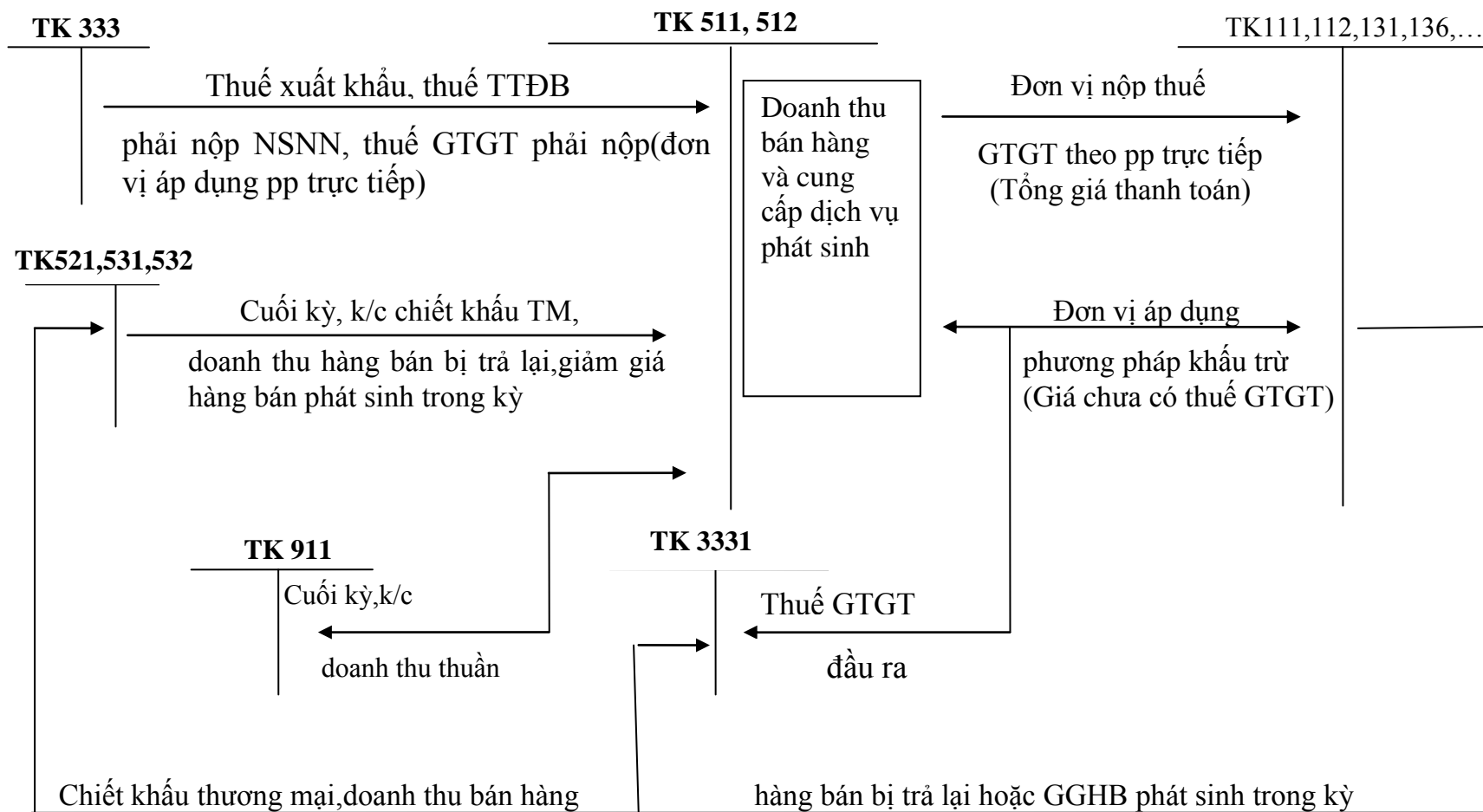
- Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

❖ Tài khoản 531: “Hàng bán bị trả lại”

❖ Tài khoản 532: “Giảm giá hàng bán”

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1 - Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.4.2 Kế toán giá vốn hàng bán

✚ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

– Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

– Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước)

Theo phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ

– Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

✚ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

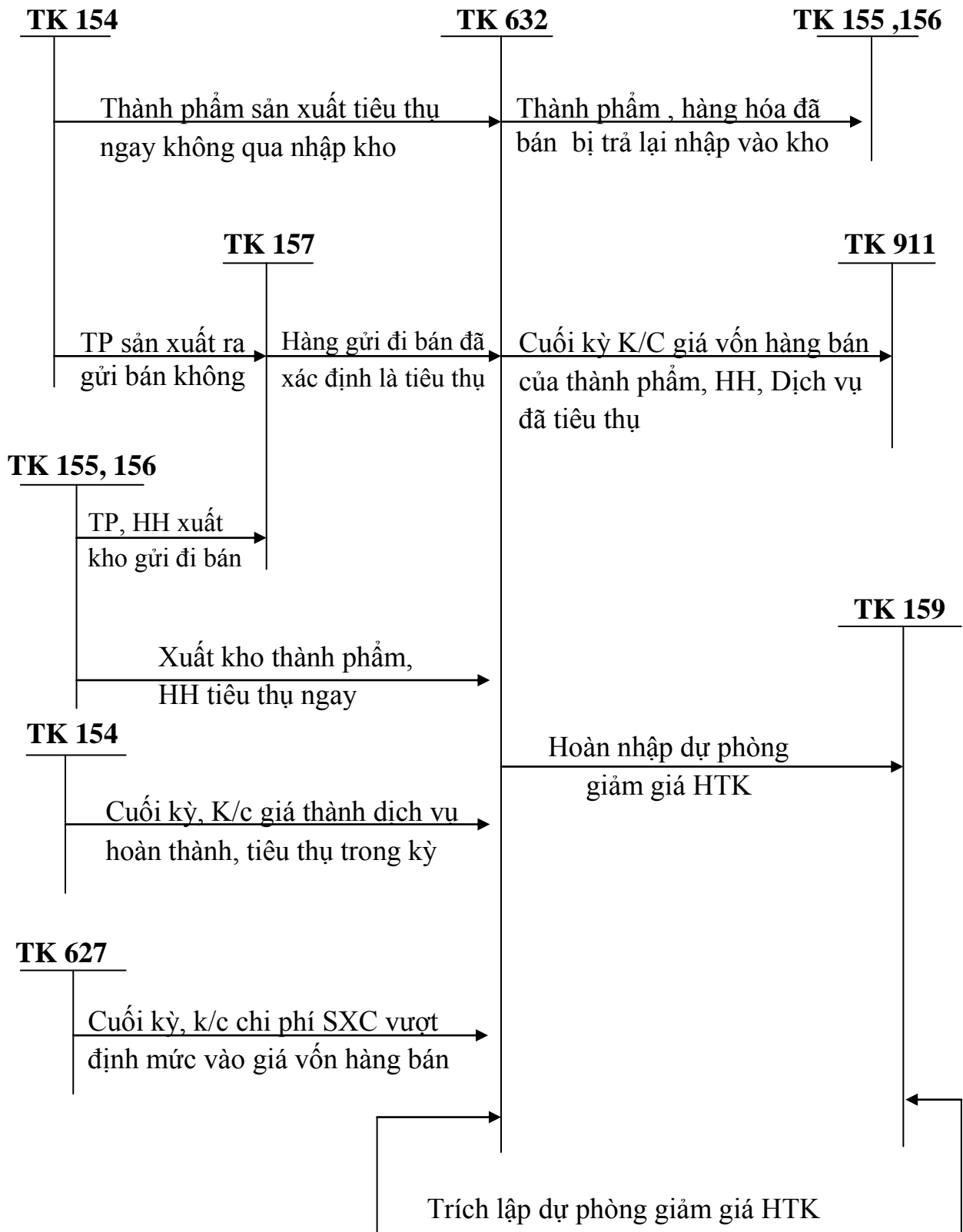
Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

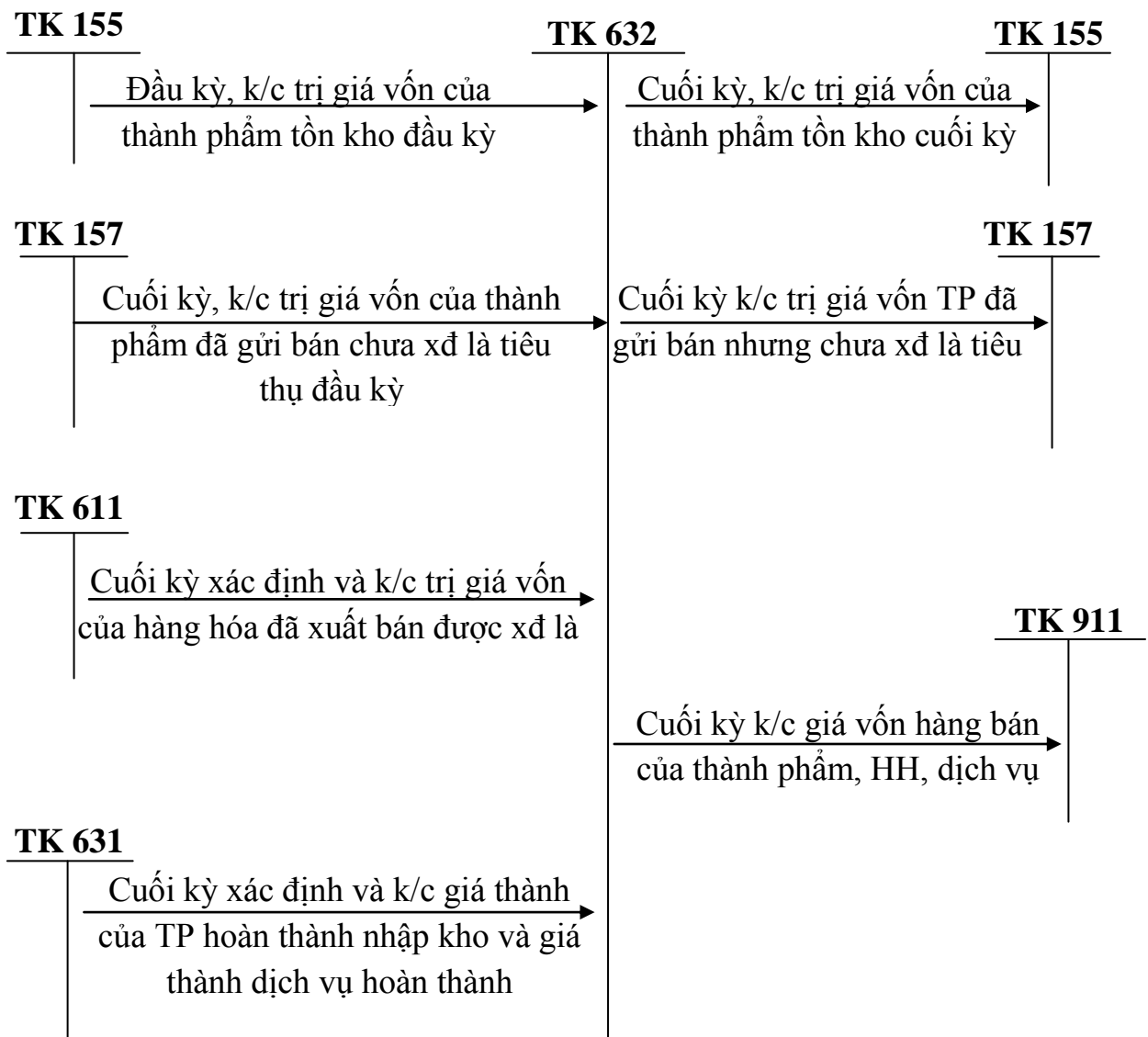
Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư. . .

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.3 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

✚ Tài khoản sử dụng.

❖ TK 641 : Chi phí bán hàng.

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

❖ TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.

- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

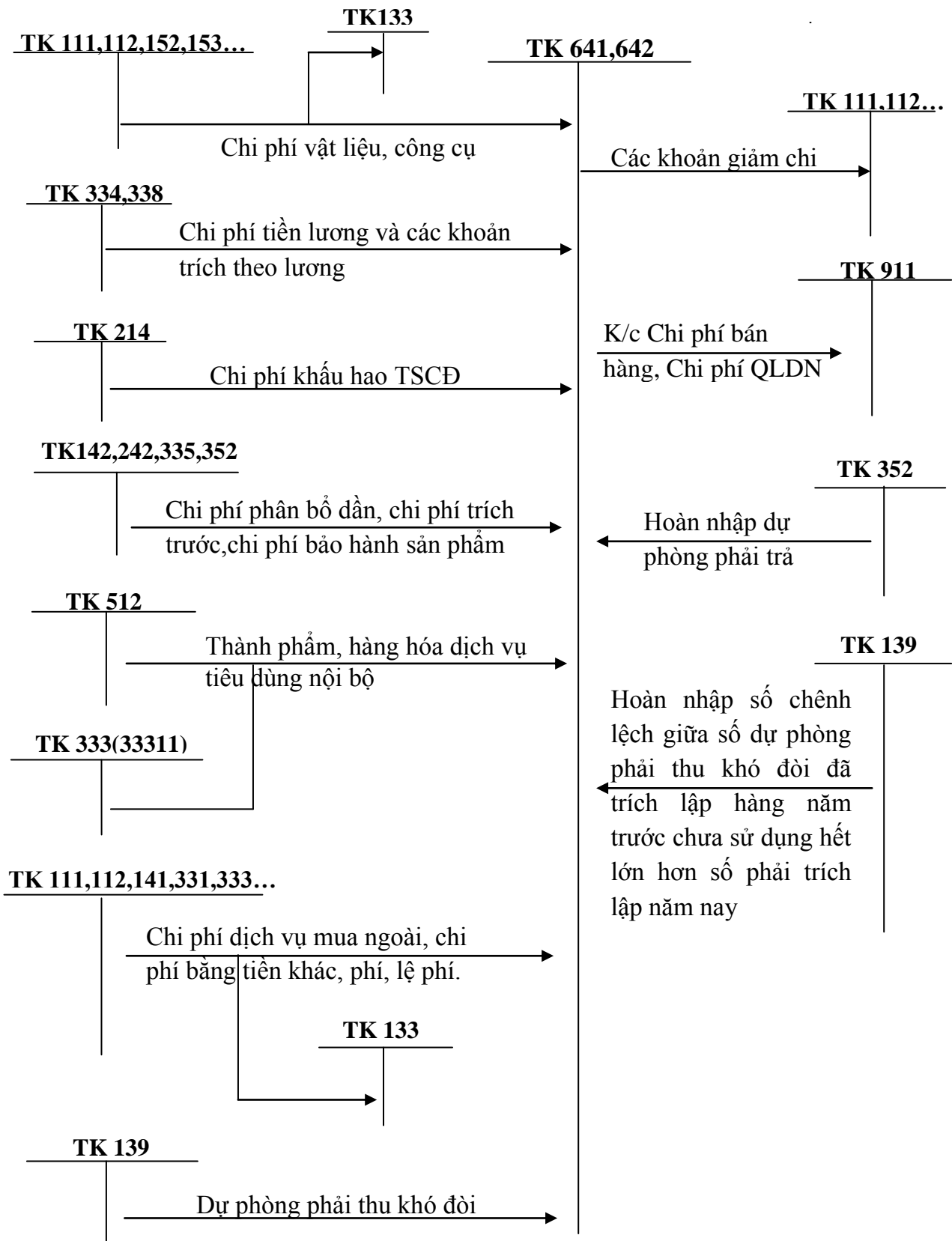
- TK 6426: Chi phí dự phòng.

- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.4 :Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

✚ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, báo nợ của ngân hàng
- Bảng sao kê chi tiết của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan...

✚ Tài khoản sử dụng

- TK 515 : “Doanh thu hoạt động tài chính”

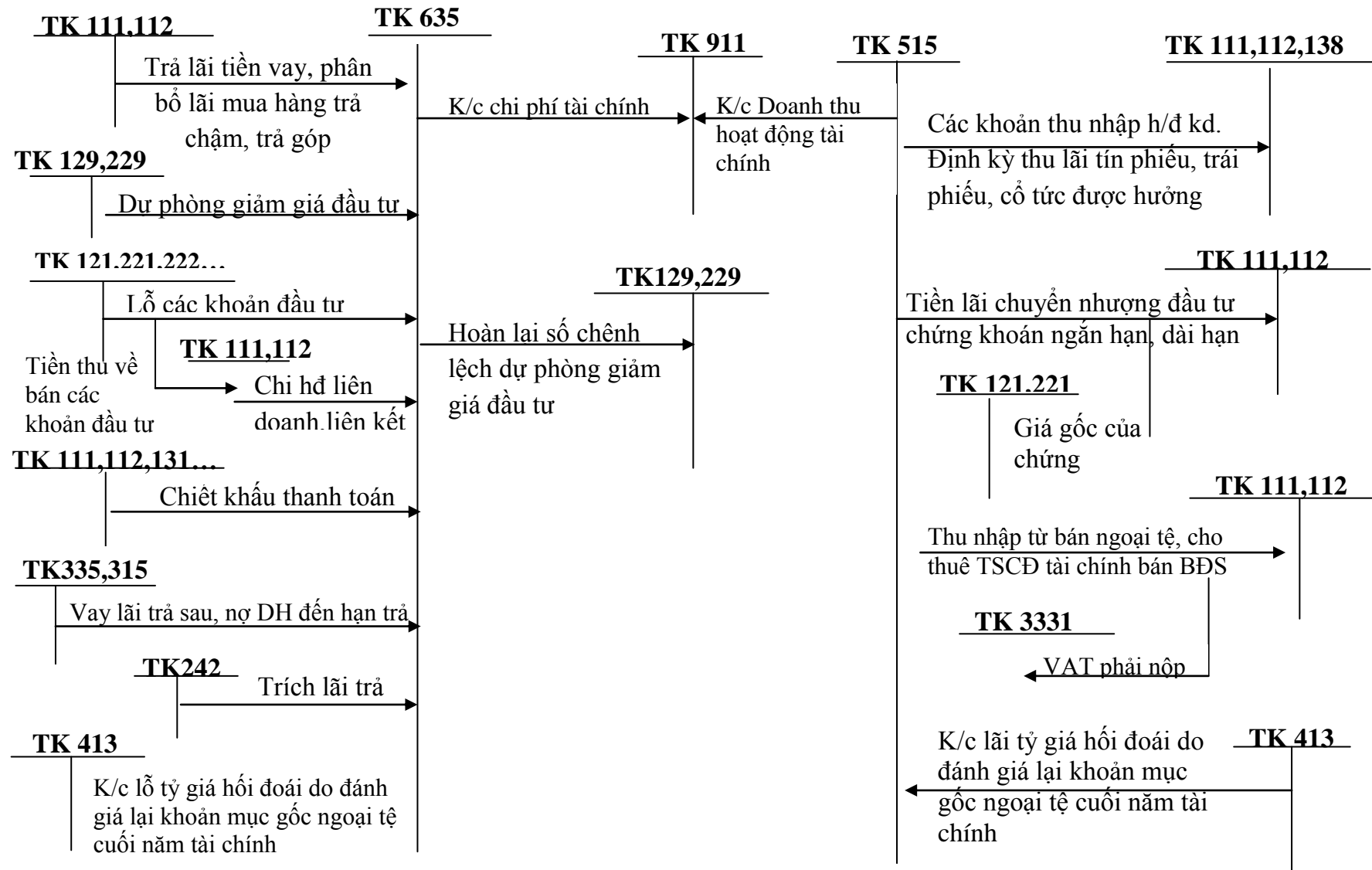
Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

TK 635: “Chi phí tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết...

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.



1.4.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, báo nợ của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan như hợp đồng kinh tế....

✚ Tài khoản sử dụng

❖ TK 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

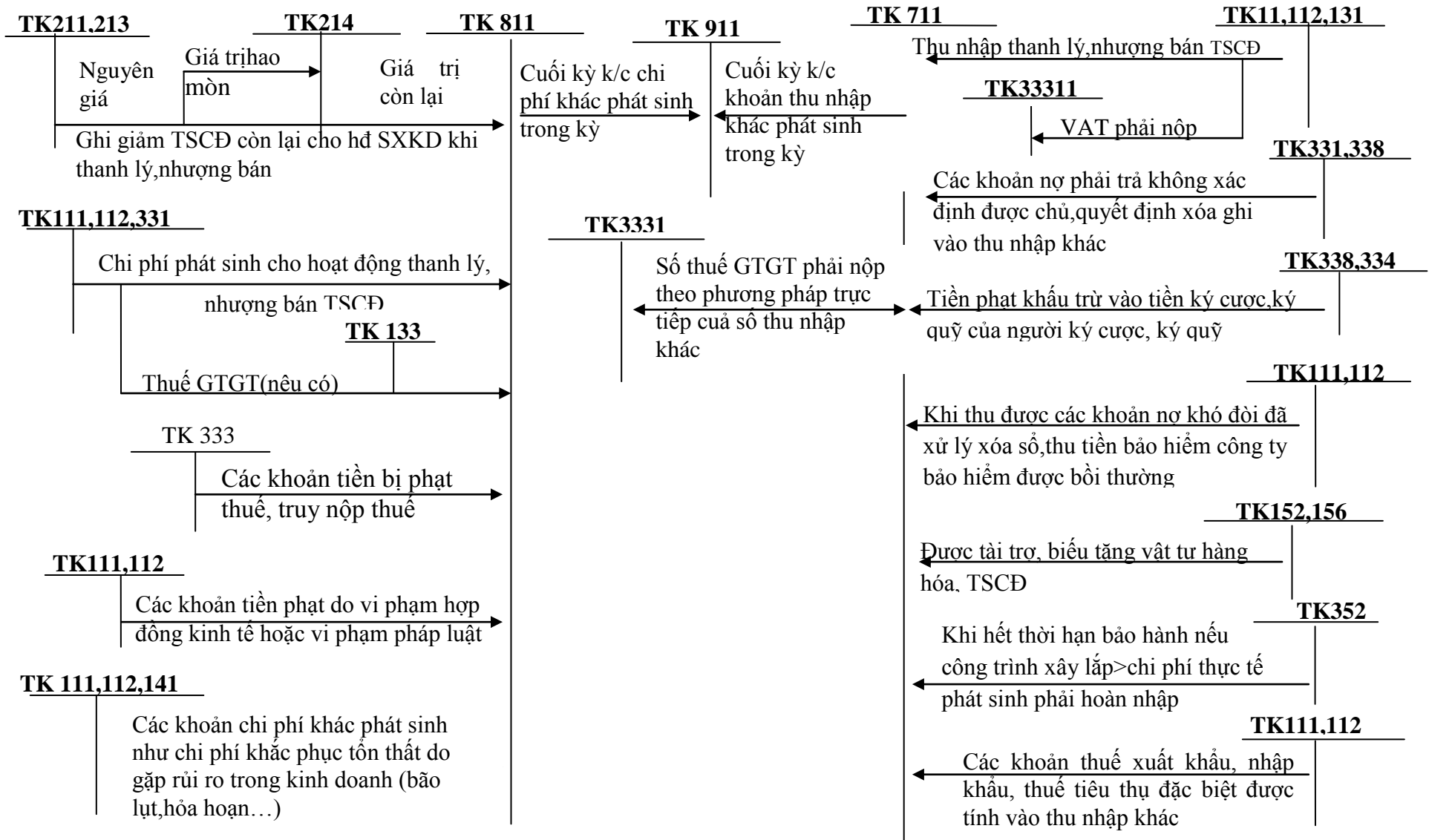
❖ Tài khoản 811: “Chi phí khác”

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ: 1.6: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác



1.4.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✚ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

✚ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh” được dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK911:

Bên Nợ	Bên Có
Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ	Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ
Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác	Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kết chuyển lỗ
Kết chuyển lãi	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

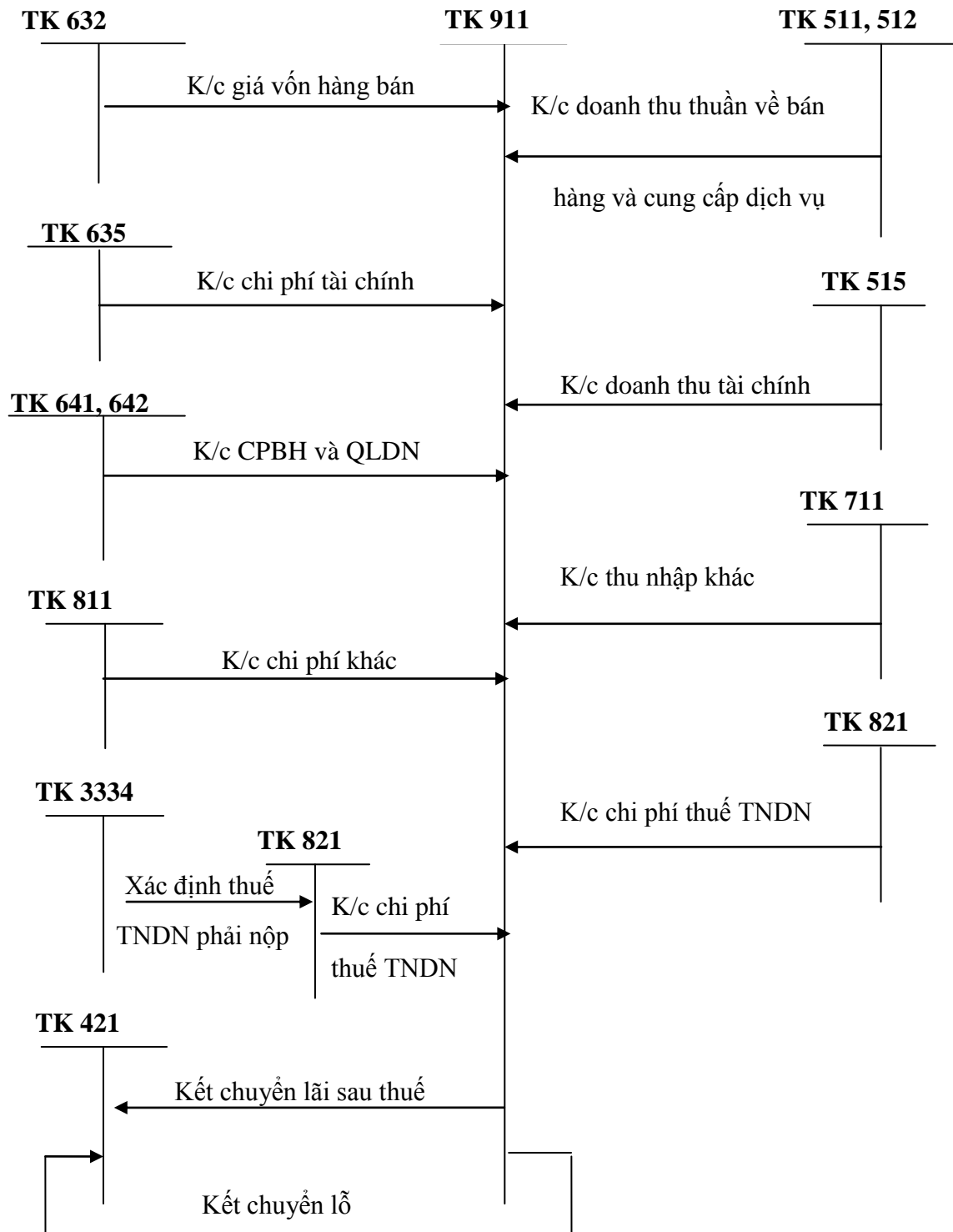
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

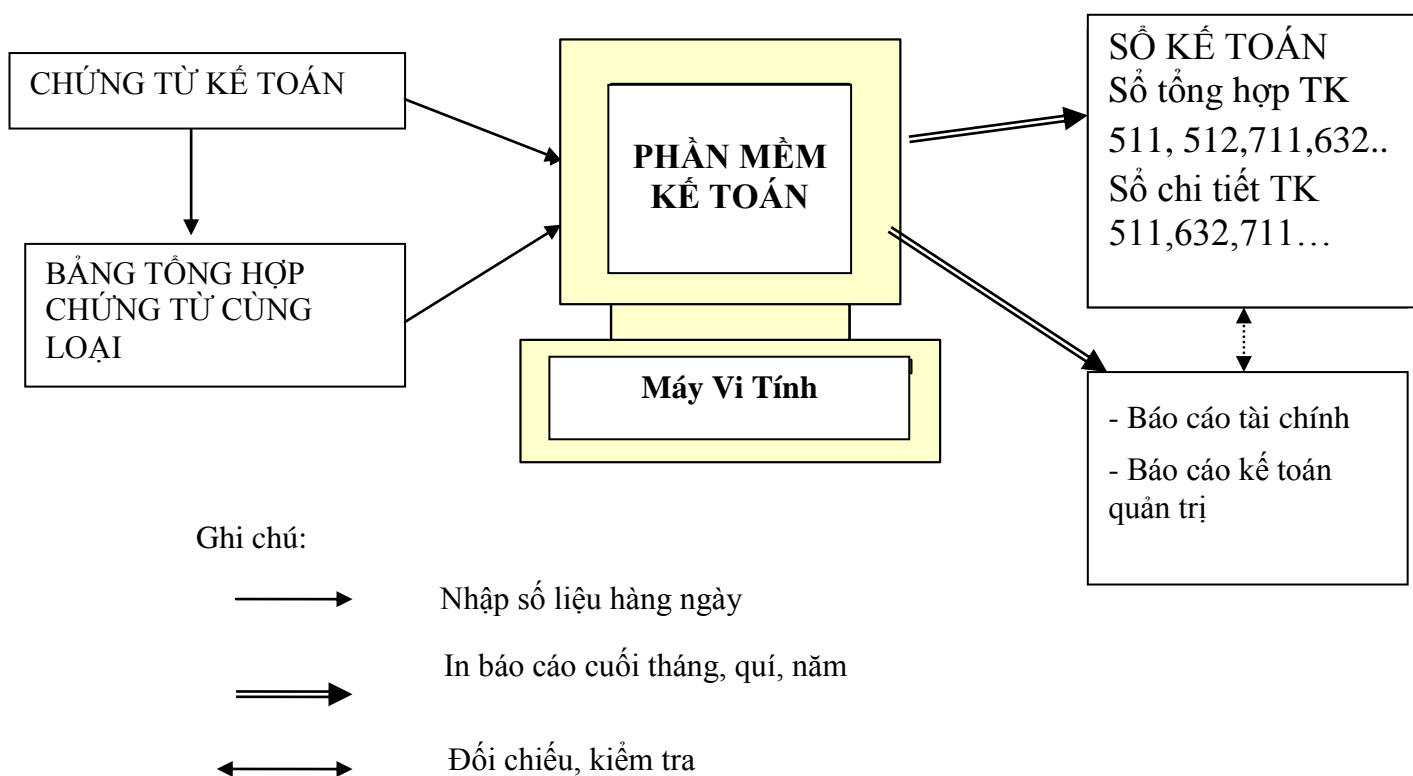
Hình thức kế toán trên máy tính

❖ **Đặc trưng cơ bản:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định

❖ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH MAY VIỆT HÀN

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH may Việt Hàn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may Việt Hàn

Căn cứ quyết định số 386/TTG ngày 7 tháng 6 năm 1997 của thủ tướng Chính Phủ về việc cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Căn cứ vào giấy chứng nhận đầu tư số 032022000006 ngày 18 tháng 10 năm 2006.

Căn cứ luật đầu tư số 59/2005/QH 11, luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.

Căn cứ giấy phép đầu tư số 64/GP-HP ngày 10/09/2003 và các giấy phép khác; UBND thành phố Hải Phòng, thành lập tổ chức kinh tế đầu tư theo hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện Dự án sản xuất các sản phẩm may Việt Hàn như sau:

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH May Việt Hàn.**
- Tên giao dịch: **GARVIHA CO.,LTD**
- Tên viết tắt **GARVIHA**
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên.
- Diện tích đất sử dụng: 22.500 m²
- Địa chỉ: Xã Đại Đồng - Huyện Kiến Thụy - Thành phố Hải Phòng - Việt Nam.
- Điện thoại: 0313.981.196
- Fax: 0313.981.197
- E- mail: garvihacoltd@hp.vnn.vn
- Mã số thuế: 0200561813
- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 500.000 USD

Công ty TNHH May Việt Hàn được thành lập trên cơ sở công ty liên doanh May Việt Hàn sau khi đối tác Việt Nam trong liên doanh nhượng lại vốn đầu tư cho các đối tác nước ngoài trong liên doanh.

Công ty được thành lập và đi vào hoạt động ngày 10 tháng 09 năm 2003 với tên doanh nghiệp là: “GARVIHA Joint Venture Co...,” (50% vốn góp của bên Việt Nam và 50% vốn góp của bên Hàn Quốc). Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc theo đơn đặt hàng từ đối tác nước ngoài.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006 Công ty liên doanh May Việt Hàn đổi tên thành công ty TNHH May Việt Hàn: “GARVIHA Company Limited ” (100% vốn đầu tư nước ngoài).). Phát huy tiềm năng về vốn, máy móc thiết bị và đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm, công ty ngày càng tự khẳng định mình.

Với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên trong công ty, công ty TNHH May Việt Hàn ngày càng đi lên, phát triển bền vững. Năm 2006 công ty đầu tư thêm dây chuyền sản xuất, mở rộng sản xuất phục vụ đáp ứng kịp thời các sản phẩm may mặc theo đơn đặt hàng, làm tăng lợi nhuận và đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng ổn định, được cải thiện.

Ngày 8 tháng 10 năm 2010 công ty có sự thay đổi thành viên góp vốn với sự tham gia của công ty MENIX góp Hai Trăm Năm Mươi Ngàn Đô La Mỹ (250.000 US\$), chiếm Năm Mươi Phần Trăm (50%) của Vốn Điều Lệ, bằng máy móc thiết bị và tiền mặt. Ông Oh Soo Kil góp Hai Trăm Năm Mươi Ngàn Đô La Mỹ (250.000 US\$), chiếm Năm Mươi Phần Trăm (50%) của Vốn Điều Lệ, bằng máy móc thiết bị và tiền mặt.

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

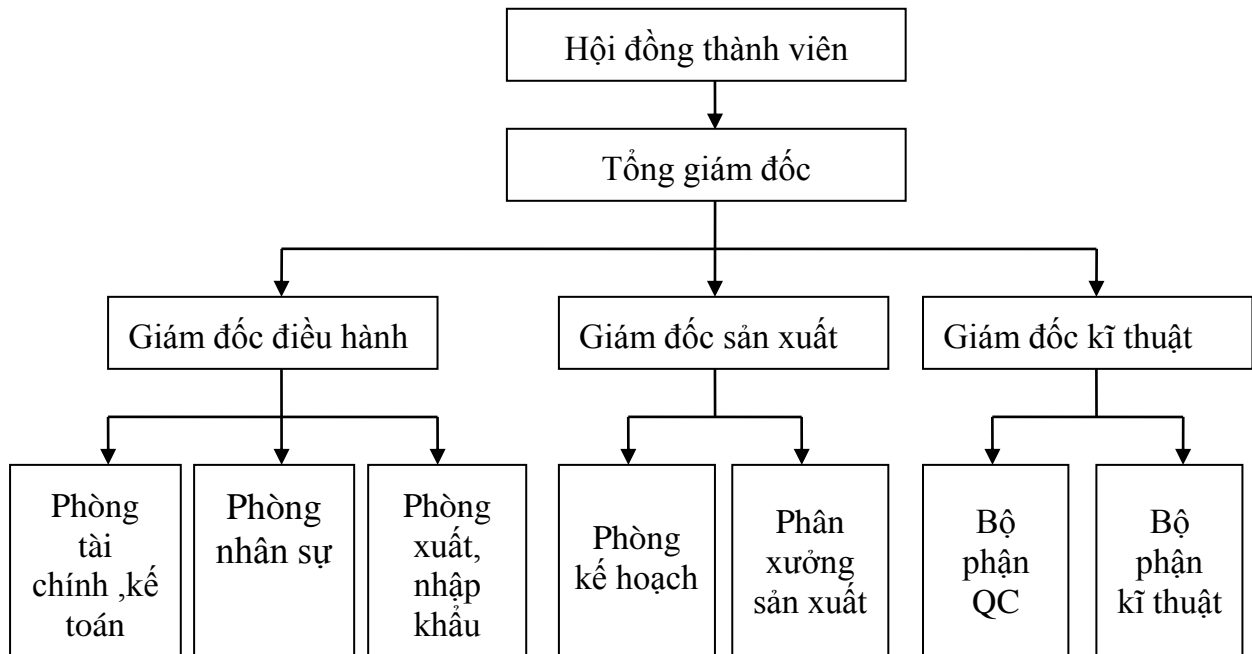
Công ty TNHH May Việt Hàn chuyên nhận gia công sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm may mặc, chủ yếu là áo jacket, theo từng đơn đặt hàng do ký kết với các đối tác nước ngoài. Sản phẩm của công ty rất hợp thời trang, chất lượng đảm bảo, mẫu mã và kiểu dáng đẹp, tuân thủ đúng theo điều khoản đặt ra trong từng đơn đặt hàng.

2.1.3.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý củacông ty TNHH may Việt Hàn

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Đứng đầu là hội đồng thành viên nắm mọi quyền quyết định của công ty. Giám đốc và phó giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tổng giám đốc.

Bộ máy quản lý của công ty TNHH May Việt Hàn như sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH May Việt Hàn



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

❖ *Tổng giám đốc:* Ông Jeon Jung Suk, quốc tịch Hàn Quốc, là người điều hành, phụ trách chung, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng vốn, chỉ đạo, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty (kế hoạch, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, lao động...).

❖ *Giám đốc điều hành, giám đốc sản xuất và giám đốc kỹ thuật (Quốc tịch Hàn Quốc):* Dưới sự phân công của Tổng giám đốc, trực tiếp giúp Tổng giám đốc quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động, sản xuất, kinh doanh của các phòng, bộ phận trong công ty (về phần việc thuộc quyền hạn của mình),...

❖ *Phòng nhân sự:* Có nhiệm vụ tuyển dụng, quản lý các công nhân viên trong công ty. Theo dõi, áp dụng theo đúng các quy định, chính sách, chế độ hiện hành của nhà nước và công ty liên quan đến người lao động, lương, thưởng,... Quản lý định mức lao động, tổ chức nâng bậc, thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề cũng như chăm lo đời sống cho người lao động,...

❖ *Phòng xuất – nhập khẩu*: Chịu trách nhiệm về các thủ tục hải quan, nhập khẩu nguyên phụ liệu và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài theo đúng các đơn đặt hàng,...

❖ *Phòng kế hoạch*: Có trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho công ty, tìm kiếm, liên hệ với các đối tác,...

❖ *Phân xưởng sản xuất*: Bao gồm các bộ phận kho, tạo mẫu, cắt, may, hoàn thiện, đóng gói. Thực hiện sản xuất các sản phẩm may mặc theo một quy trình công nghệ khép kín, theo dõi nguyên phụ liệu và sản phẩm,...

❖ *Bộ phận QC*: Thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng từ khâu nguyên phụ liệu đầu vào đến khâu sản phẩm đầu ra dựa theo tiêu chuẩn của từng đơn hàng.

❖ *Bộ phận kỹ thuật*: Có nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị của công ty, lập kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị mới, thực hiện lắp đặt, chạy thử những máy móc mới được mua về, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục.

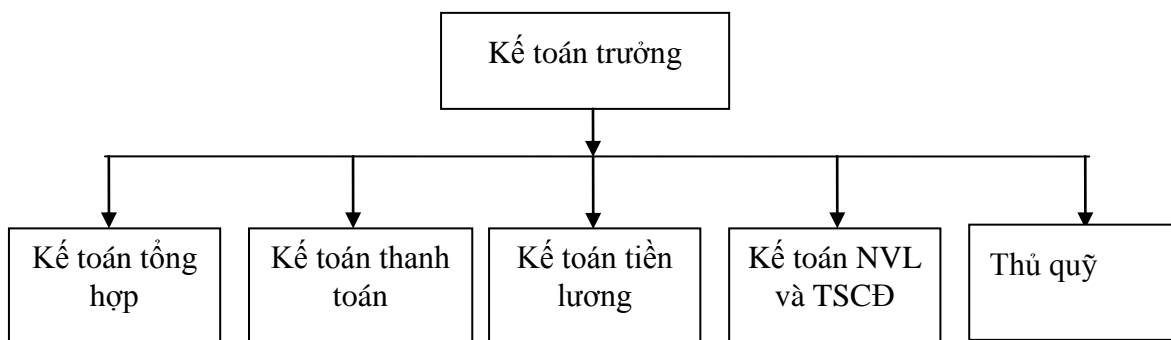
❖ *Phòng tài chính - kế toán*: Có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính Nhà nước.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH may Việt Hàn

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH may Việt Hàn

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất sao cho phù hợp với quy mô của doanh nghiệp cũng như trình độ của cán bộ quản lý và cán bộ kế toán, bộ máy kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công việc kế toán đều được thực hiện trọn vẹn tại phòng Kế toán tài chính của công ty. Mọi số liệu sẽ được gửi lên phòng Kế toán Công ty để xử lý, trên cơ sở đó đưa ra các báo cáo cung cấp cho Ban giám đốc và các cơ quan chức năng có liên quan, các bộ phận cần thông tin trong công ty.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH May Việt Hàn:



❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên:

Kế toán trưởng: Do cấp trên bổ nhiệm được phân công chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của phòng kế toán, chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát mọi hoạt động hạch toán kế toán trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kế toán tổng hợp: Là người chịu sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng, phụ trách tổng hợp các phần hành kế toán, tổng hợp các số liệu từ các kế toán viên để lập báo cáo quyết toán. Phụ trách mảng tính giá thành sản phẩm và theo dõi thành phẩm. Đưa ra các biện pháp, kiến nghị giúp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động cho công ty.

Kế toán thanh toán: Là người chịu trách nhiệm trực tiếp về các nghiệp vụ thanh toán trong công ty, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản phải thu, phải trả của công ty.

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Theo dõi và phản ánh tiền lương của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty. Sau khi, phòng nhân sự tính lương thì kế toán kiểm tra vào sổ thanh toán lương và tính bảo hiểm xã hội cho người lao động. Trích và phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ theo đối tượng chi phí.

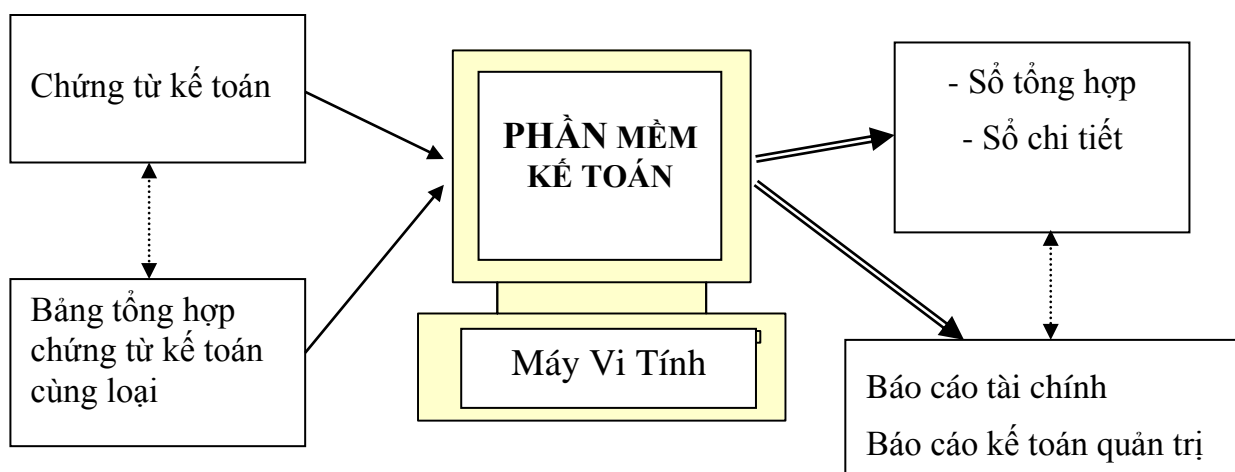
Kế toán NVL và TSCĐ: Ghi chép phản ánh tổng hợp về tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu và lập các báo cáo về nguyên vật liệu. Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất. Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về số lượng, và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ vào chi phí hoạt động chính xác, phù hợp và lập báo cáo tình hình theo dõi TSCĐ.

Thủ quỹ, chịu trách nhiệm quản lý lượng tiền mặt tồn quỹ của công ty, lập biên lai thu, chi tiền, ghi sổ quỹ...

2.1.4.2. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH may Việt Hàn

- Niên độ kế toán tại công ty là một năm bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hằng năm.
- Công ty TNHH May Việt Hàn áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, sửa đổi bổ sung theo thông tư 244 ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính.
- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế
 - Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
 - Phương pháp tính giá thành sản phẩm: Áp dụng phương pháp giản đơn, phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty: số lượng sản phẩm nhiều nhưng mặt hàng ít, chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn. Do đặc thù sản xuất kinh doanh của công ty là tiến hành sản xuất theo từng đơn hàng, vì vậy không có chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.
 - Hình thức kế toán: Công ty sử dụng hình thức kế toán máy bằng phần mềm kế toán WEEKEND SQL 2.0 được thiết kế theo hình thức nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

→ Nhập số liệu hàng ngày

==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm

↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán nhập dữ liệu vào máy vi tính, trên phần mềm kế toán. Theo quy định của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào các sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Cuối tháng hoặc bất kì thời điểm nào khi có yêu cầu của cấp trên, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các sổ tổng hợp với sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định của phần mềm viết sẵn.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định kế toán ghi bằng tay.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Việt Hàn

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

TK cấp 2: 5112 “Doanh thu bán thành phẩm”

Trong đó công ty mở thêm 2 tài khoản cấp 3 là:

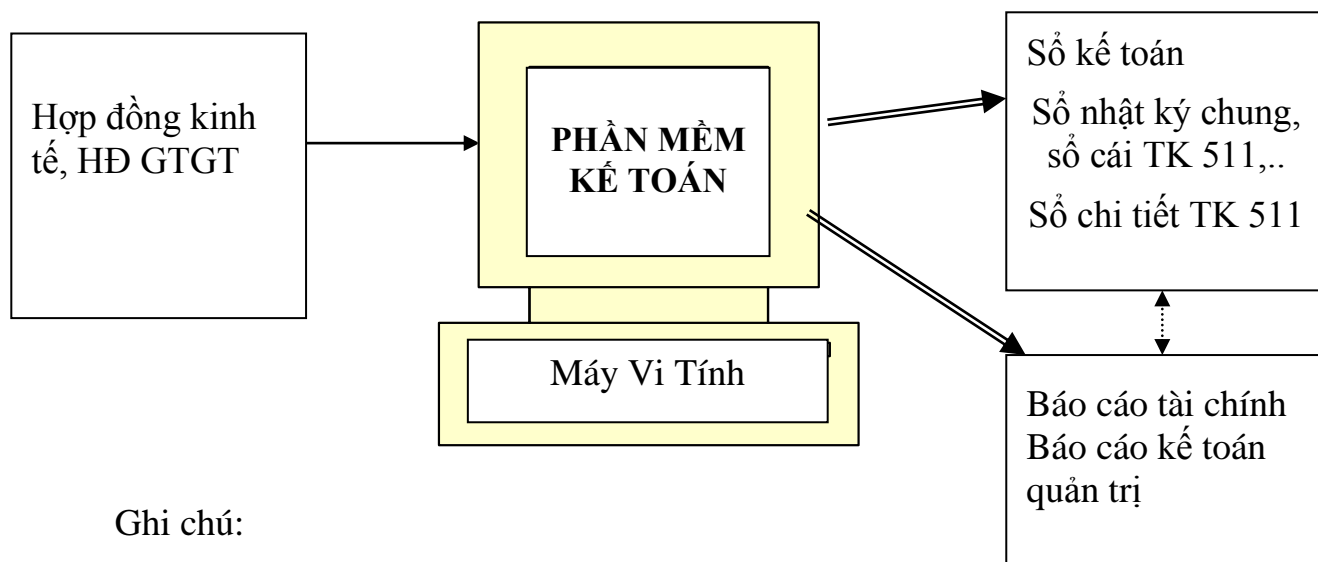
- TK 5112.1 “Doanh thu bán các thành phẩm _xuất khẩu”
- TK 5112.2 “Doanh thu bán các thành phẩm _nội địa”

❖ Hình thức thanh toán

- chuyển khoản

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH may Việt Hàn



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa: Ngày 19/3/2013, công ty xuất thành phẩm cho công ty SUHYANG TRADING CO.LTD theo hợp đồng gia công 02/SY-GV/2013 ký ngày 20/11/2012 với số tiền 687.36 USD, khách hàng chưa thanh toán

Biểu số 1: Tờ khai hải quan số 11029

HẢI QUAN VIỆT NAM **TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**


Cục Hải Quan: Cục hải quan Thành phố Hải Phòng

Xuất Khẩu



Chi cục Hải Quan đăng ký tờ khai: Chi cục Hải quan quản lý hàng ĐT-GC		Số tham chiếu: 234793		Số tờ khai: 11029		Công chức đăng ký tờ khai	
Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: Sân bay Nội Bài (Hà Nội)		Ngày, giờ gửi: 19/03/2013		Ngày giờ đăng ký: 19/03/2013 00:00:00		Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan	
1. Người xuất khẩu: Công ty TNHH May Việt Hàn Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng 03139811199/03139811197		5. Loại hình XGC01: Xuất gia công					
MST 0 2 0 0 5 6 1 8 1 3		6. Giấy phép số Ngày: Ngày hết hạn:			7. Hợp đồng: 02/SY-GV/2013 Ngày: 20/11/2012 Ngày hết hạn: 31/12/2013		
2: Người xuất khẩu SUHYANG TRADING CO.LTD LINKMAX TRADING CO		8: Hóa đơn thương mại			9. Cửa khẩu xuất hàng: A001 Sân bay Quốc tế Nội Bài (Hà Nội)		
MST		10. Nước nhập khẩu: US United States of America					
3: Người ủy thác/Người được ủy quyền		11. Điều kiện giao hàng FCA		12. Phương thức thanh toán: TT			
4: Đại lý hải quan:		13. Đồng tiền thanh toán USD		14. Tỷ giá tính thuế: 21 036			
STT	15. Mô tả hàng hóa	16. Mã số hàng hóa	17. Xuất xứ	18. Lượng hàng	19. Đơn vị tính	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ
1	HTS6201933000J-701 áo khoác nam 2 lớp (PO#112213230)	62011300	Viet Nam	192 (16)	CHIEC (TA (12 CAI))	10	1.920
22. Thuế xuất khẩu		23. Thu khác					
a: Trị giá tính thuế		b. Thuế suất %		c. Tiền thuế		a: Giá trị thu khác	
						b. Tỷ lệ %	
						c. Số tiền	
Cộng		Cộng					
24. Tổng số tiền thuế vào thu khác(22+23) Bằng số:				VND			
Bằng chữ:							
25. Lượng hàng, số hiệu container							
STT	a. số hiệu container	b. Số lượng kiện hàng trong container		c. trọng lượng hàng trong container		d. Địa điểm đóng hàng	
		Cộng		8		Cộng:	
						110,8kg/98kg	
26. Chứng từ đi kèm				Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày 19 tháng 3 năm 2013 Người lập ký ghi rõ họ tên, đóng dấu			
28. Kết quả phân luồng và hướng dẫn thủ tục hải quan Luồng XANH				30. xác nhận thông quan		31. xác nhận của hải quan giám sát	
29. Ghi chép khác							

Biểu số 2: Bảng kê hàng hóa xuất khẩu



CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU

Tỷ giá: 21036

<i>Tờ khai hải quan</i>	
Số: 11029	Ngày: 19/3/2013

<i>Hoá đơn GTGT</i>	
Số: 0000232	Ngày: 19/03/2013

Phụ lục hợp đồng		Hàng xuất khẩu					Ghi chú
Số	Ngày	Mã	PO	Số lượng (chiếc / bộ)	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	
				a	b	c = a x b	8
Khách hàng:		Suhyang					
0314S	01/01/2013	J-701	112213230	192	3.5800	687.36	
Tổng				192		687.36	

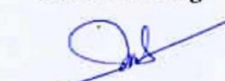
Bảng chữ: Sau trăm tám mươi bảy US dola và ba mươi sáu cents.

Kế toán

Nguyễn Thị Thanh Loan


Ngày 19 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



Hà Văn Linh

Biểu số 3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000232

 Graviha	<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Lưu nội bộ</i> Ngày 19 tháng 03 năm 2013</p>	Mẫu số GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000232			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN Mã số thuế: 0200561813 Địa chỉ: Xã Đại Đồng, Huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng Điện thoại: 0313981071 Fax: 0313981197 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Suhyang trading.co.ltd Mã số thuế: Địa chỉ: 102-2 Youksam-dong-Kangnam-ku-Seoul-Korea Hình thức thanh toán: CK số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Doanh thu hàng gia công xuất khẩu theo bang kê, tờ khai hải quan 11029N19023013				687,36
Tỷ giá: 21036 đồng/usd					
Cộng tiền hàng:					687,36
USD					
Thuế suất GTGT: 0 %			Tiền thuế GTGT:		0
Tổng cộng tiền thanh toán:					687,36
USD					
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy đôla và ba mươi sáu cents					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000232, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự

Kế toán bán hàng khởi động phần mềm kế toán WEEKEND SQL 2.0 nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ “Hàng hóa” -> Hóa đơn bán hàng> chọn “Thêm” để cập nhật số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng.

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng chọn “Chấp nhận”

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng

SUA CHUNG TU

Ngày: 19/03/2013 Số: 232 Mã tệ: USD 21 036.00
 Hợp đồng: _____ Người lập: THANH
 Đối tượng: SUHYONG SUHYONG TRADING CO.LTD Tỉnh trạng: Tổng hợp
 Ông bà: SUHYONG TRADING CO.LTD Địa chỉ: 102-2 Youksam-dong-kangnam-Seoul-Korea
 Diễn giải (VN): Doanh thu hàng gia công xuất khẩu theo bảng kê, tờ khai hải quan 11029 ngày 19/03/2013
 Bộ phận: _____
 Mã nhập xuất: 131 Bán hàng công nợ
 Tài khoản nợ: 131SHY Phải thu của công ty SUHYONG

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%Ck F4
J-701	áo jaket J701	Chiếc	51121		192.00	75 308.88	14 459 304.96	K

Hạn thanh toán: 0 Loại chiết khấu: 1 Tiền chiết khấu: 0.00 Tiền hàng: 14 459 304.96
 Thuế GTGT (%): 0 Giá có thuế: K Tiền thuế GTGT: 0.00 Tiền thuế TTĐB: 0
 Tk nợ VAT: _____ Tk có: _____ Tiền mặt: 0.00 Tổng tiền: 14 459 304.96

Chấp nhận Hủy bỏ

Để in sổ nhật ký chung, chọn phân hệ Tổng hợp>Sổ sách kế toán>Nhật ký chung tại mục từ ngày đến ngày chọn từ 01/01/2013 tới 31/12/2013 sau cùng ấn chấp nhận để xem, ấn F7 để in, ESC để thoát ra

Biểu số 4: sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
HĐ	224	26/02	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang			
			Phải thu khách hàng	131SHY	61.088.862	
			Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	51121		61.088.862
					
HĐ	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang			
			Phải thu khách hàng	131SHY	14.459.305	
			Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	51121		14.459.305
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

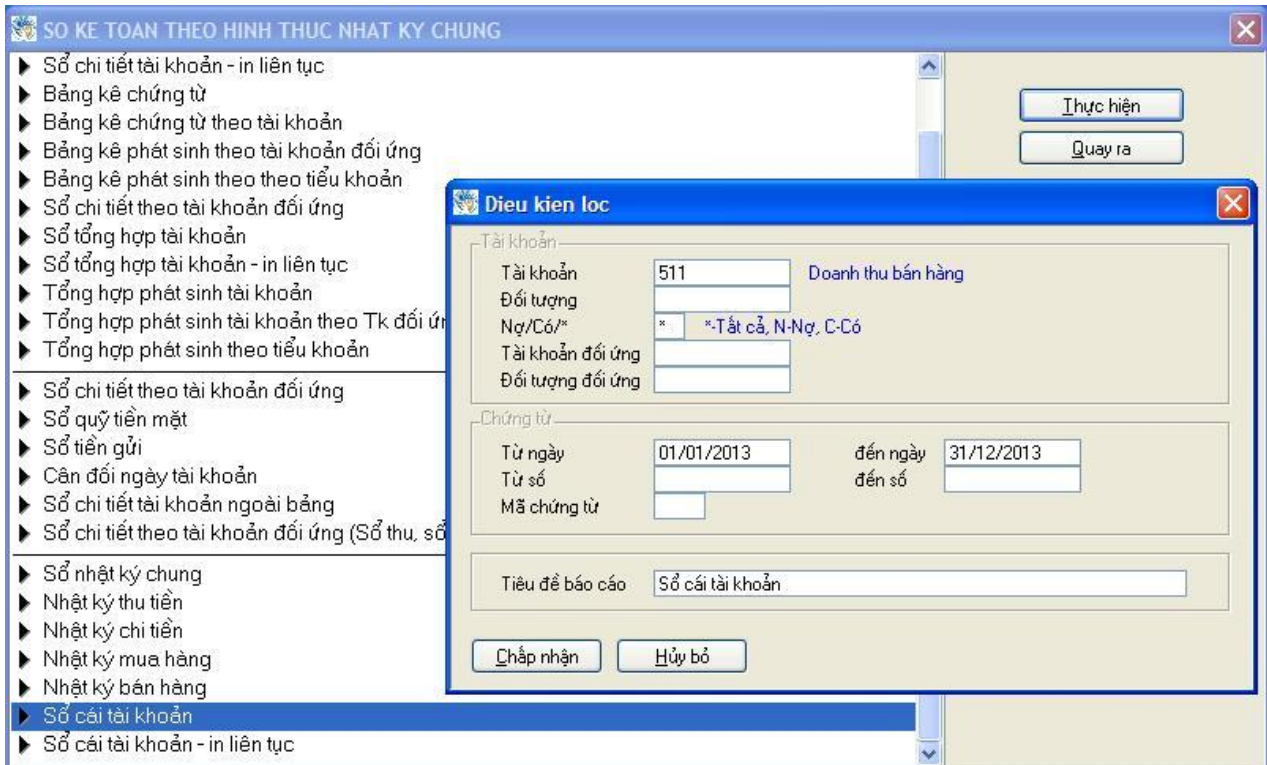
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

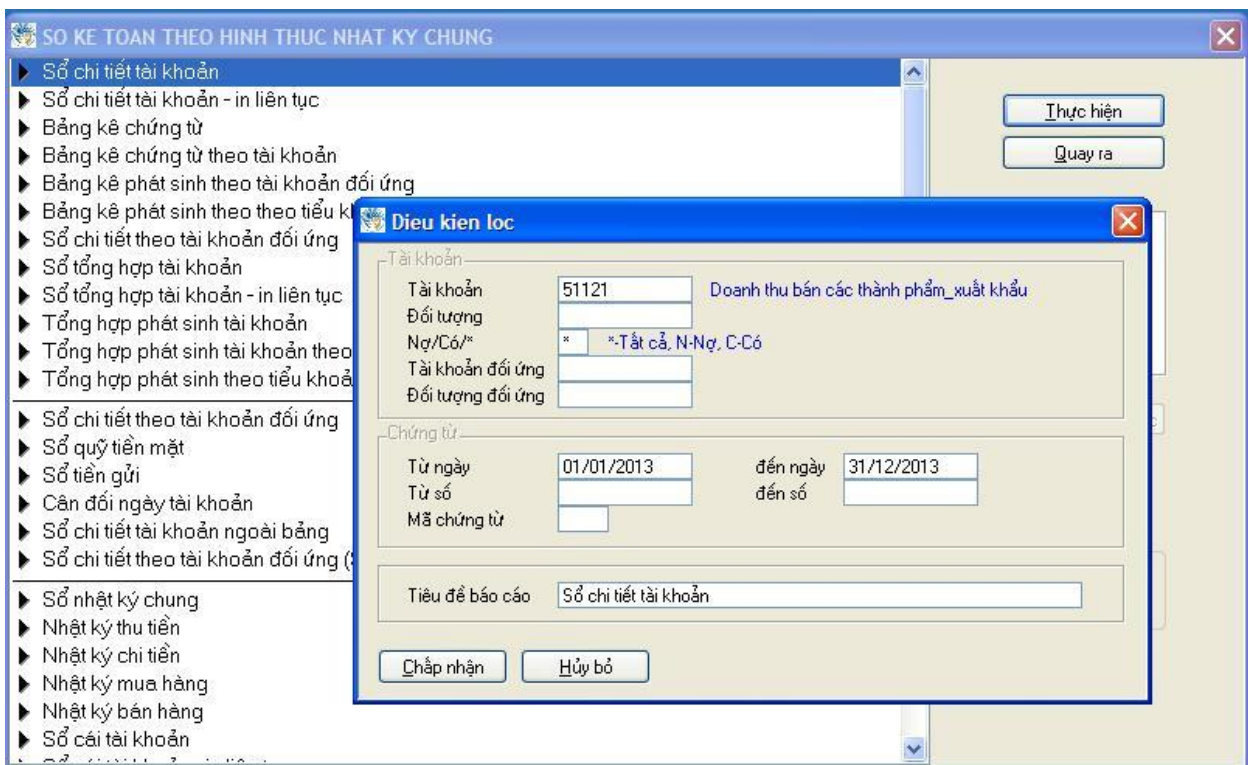
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để in sổ cái TK 511, kế toán chọn phân hệ “*Tổng hợp*” > “*sổ sách kế toán*” > “*Sổ cái tài khoản*” tại mục “*tài khoản*” chọn 511. Tại mục “*từ ngày đến ngày*” chọn từ 01/01/2013 tới 31/12/2013 nhấp “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để thoát.



Để in sổ chi tiết 51121 kế toán chọn phân hệ “*Tổng hợp*” > “*sổ chi tiết tài khoản*” . tại mục *tài khoản* chọn 51121 . Tại mục *từ ngày đến ngày* chọn từ 01/01/2013 tới 31/12/2013 nhấp “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để thoát.



Biểu số 5: Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
26/02	HĐ	224	26/02	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang	131SHY		61.088.862
						
19/03	HĐ	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang	131SHY		14.459.305
						
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu TK 51121	9111	74.218.982.424	
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu TK 51122	9111	3.248.482.869	
				Cộng PS trong kỳ:		77 467 465 293	77 467 465 293
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: Sổ chi tiết tài khoản 51121

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán các thành phẩm - xuất khẩu

Số hiệu: TK 5112.1

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
26/02	HĐ	224	26/02	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang	131SHY		61.088.862
28/02	HĐ	225	28/02	Bán thành phẩm cho công ty Hankyung	131HK		146.276.687
						
19/03	HĐ	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang	131SHY		14.459.305
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu TK 51121	9111	74 218 982 424	
				Cộng PS trong kỳ:		74 218 982 424	74 218 982 424
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

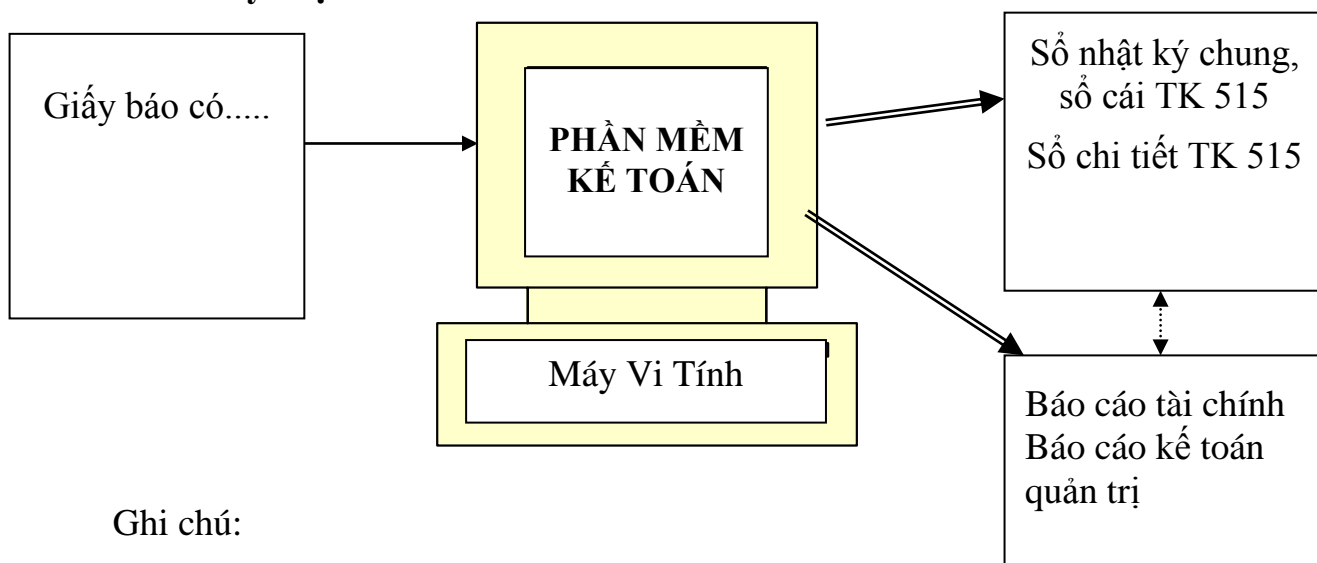
Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Các tài khoản cấp 2:

- + 5154: Lãi tiền gửi
- + 5158: Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH may Việt Hàn




Ghi chú:

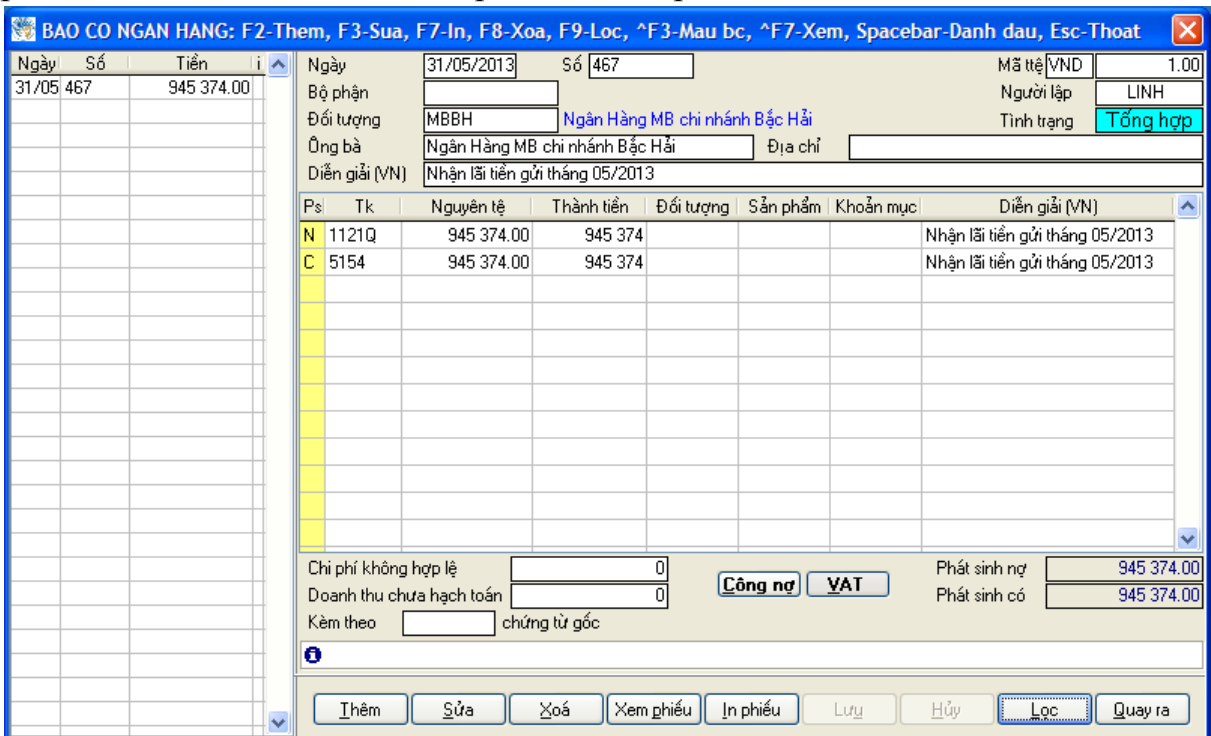
- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa: Ngày 31/5/2013 công ty nhận được lãi tiền gửi T5/2013 của ngân hàng TMCP Quân Đội MB chi nhánh Bắc Hải Hải Phòng , số tiền 945.374 đ

Biểu số 07: Giấy báo có

 Chi nhánh Bắc Hải	PHIẾU BÁO CÓ Ngày 31/5/2013 Mã GD: TT1245254871200BNK	MST KH MST NH No. 0000467 Nguyên tệ: VNĐ Tỷ giá: 1 GDV: 30633_HOPA_52_ASTPATH
		Tài khoản/Khách hàng Tài khoản có: 4311 01 00174 01 CONG TY TNHH MAY VIET HAN Bằng chữ Chín trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng
Diễn giải: NHAP LAI TIEN GUI THANG 5		
Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng TMCP Quân đội MB kế toán viên vào phân hệ “Tiền”->Báo có để nhập số liệu vào phần mềm.



Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào báo có trên phần mềm chọn “Lưu” phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ sách liên quan.

Biểu số 8: Sổ nhật ký chung năm 2013 công ty TNHH may Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
HĐ	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang			
			Phải thu khách hàng	131SHY	14.459.305	
			Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	51121		14.459.305
					
HĐ	375	19/05	Chi tiền tiếp khách	642	5.909.091	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	590.909	
			Tiền mặt	1111		6.500.000
					
BC	467	31/05	Lãi tiền gửi tài khoản ngân hàng MB chi nhánh Bắc Hải	1121Q	945.374	
			Lãi tiền gửi	5154		945.374
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9: Sổ cái tài khoản 515 năm 2013 công ty TNHH may Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ:			0
				Số PS trong kỳ:			
30/03	BC	356	30/03	Lãi tiền gửi ngân hàng MB	1121Q		1.072.365
						
31/05	BC	467	31/05	Lãi tiền gửi TK MB	1121Q		945.374
						
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính TK 5154	9112	14 830 652	
				K/C doanh thu hoạt động tài chính TK 5158	9112	2 463 339 75	
				Cộng PS trong kỳ:		2 478 170 402	2 478 170 402
				Số dư cuối kỳ			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 10: Sổ chi tiết tài khoản 5154 năm 2013 công ty TNHH may Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính – Thu lãi tiền gửi

Số hiệu: TK 5154

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
30/03	BC	356	30/03	Lãi tiền gửi ngân hàng MB	1121Q		1.072.365
						
31/05	BC	467	31/05	Lãi tiền gửi TK MB	1121Q		945.374
						
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính TK 5154	9112	14 830 652	
				Cộng PS trong kỳ:		14 830 652	14 830 652
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- + Phiếu thu
- + Hóa đơn GTGT
- + Các chứng từ khác liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

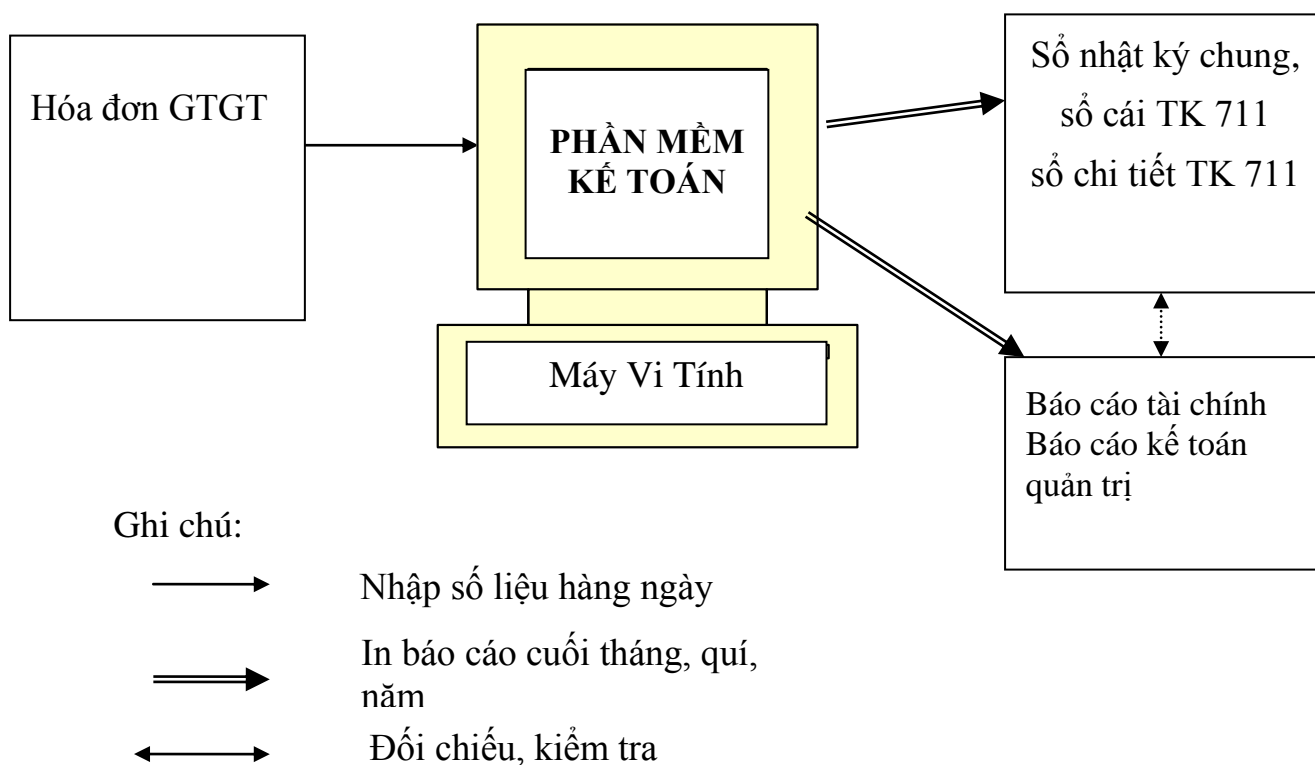
TK 711: Thu nhập khác

Tài khoản cấp 2:

- + 7111: Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + 7118: Thu nhập bất thường khác

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH may Việt Hàn



Ví dụ: Ngày 23/02/2013 nhượng bán xe ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662 cho ông Lê Văn Dũng với số tiền 115.000.000 đồng. Chưa thu tiền.

Biểu mẫu 11 : Hóa đơn GTGT 0000221

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/13P		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Số: 0000221		
Ngày 23...tháng 02 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: ... CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN					
Mã số thuế:0200561813.....					
Địa chỉ:Đại Đồng – Kiến Thụy – Hải Phòng.....Số tài khoản.....					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng...Lê Văn Dũng.....					
Tên đơn vị.....					
Mã số thuế:					
Địa chỉ.....Lê Lai- Hải Phòng.....Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xe ô tô Ford Mondeo số khung RB44T01662 Số máy: JBB4T01662	Chiếc	1	104 545 455	104 545 455
 					
 					
 					
 					
 					
 					
 					
 					
 					
 					
Cộng tiền hàng:					104.545.455
Thuế suất GTGT:10.... % , Tiền thuế GTGT:					10.454.546
Tổng cộng tiền thanh toán					115.000.000
Số tiền viết bằng chữ: .Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Căn cứ vào hóa đơn 0000221, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Kế toán vào phân hệ “Tổng hợp” -> chọn “Phiếu khác”

Ngày	Số	Tiền
23/02	98	115 000 000.00

Ngày	23/02/2013	Số	98	Mã tiền	VND	1.00
Bộ phận		Người lập	LINH	Tình trạng	Tổng hợp	
Đối tượng		Ông bà	Lê Văn Dũng	Địa chỉ	Lê Lai - Hải Phòng	
Diễn giải (VN)	Thanh lý xe ô tô Ford Mondeo số khung RB44T01662 số máy JBB4T01662					

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	131DUNG	115 000 000.00	115 000 000	DUNG		TTL	Thanh lý xe ô tô Ford Mondeo số k
C	7111	104 545 455.00	104 545 455				Thanh lý xe ô tô Ford Mondeo số k
C	33311	10 454 545.00	10 454 545				Thanh lý xe ô tô Ford Mondeo số k

Chi phí không hợp lệ	0	Phát sinh nợ	115 000 000.00
Doanh thu chưa hạch toán	0	Phát sinh có	115 000 000.00
Kèm theo	chứng từ gốc		

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào phiếu kế toán khác chọn “Lưu” phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ sách liên quan.

Biểu số 12: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
PK	98	23/02	Nhượng bán Xe ô tô Ford Mondeo số khung RB44T01662 Số máy: JBB4T01662			
			Phải thu khách hàng	131DUNG	115.000.000	
			Doanh thu khác về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7111		104 545 455
			Thuế GTGT đầu ra được khấu trừ	3331		10.454.546
PK	99	23/02	Chi phí khác về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8111	110.593.234	
			Khấu hao tài sản cố định	2141	429.399.279	
			Nguyên giá TSCĐ	2113		539.992.513
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13: Sổ cái tài khoản 711 năm 2013 công ty TNHH may Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Doanh thu khác

Số hiệu: TK 711

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
23/02	PK	98	23/02	Nhượng bán Xe ô tô Ford Mondeo số khung RB44T01662 Số máy: JBB4T01662	131DUNG		104.545.455
						
31/12	PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập khác TK 7111	911	104.545.455	
31/12	PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập khác TK 7118	911	36.421.756	
				Cộng PS trong kỳ:		140.967.211	140.967.211
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 14: Trích sổ chi tiết tài khoản 7111 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Thu nhập khác – Thu về thanh lý nhượng bán TSCĐ

Số hiệu: TK 7111

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
				Nhượng bán Xe ô tô Ford Mondeo số khung RB44T01662 Số máy: JBB4T01662			
23/02	PK	98	23/02	Phải thu khách hàng	131DUNG		104 545 455
31/12	PK	941	31/12	K/C doanh thu thu nhập khác TK 711	9113	104 545 455	
				Cộng PS trong kỳ:		104 545 455	104 545 455
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng chi phí tài chính và chi phí khác.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng**

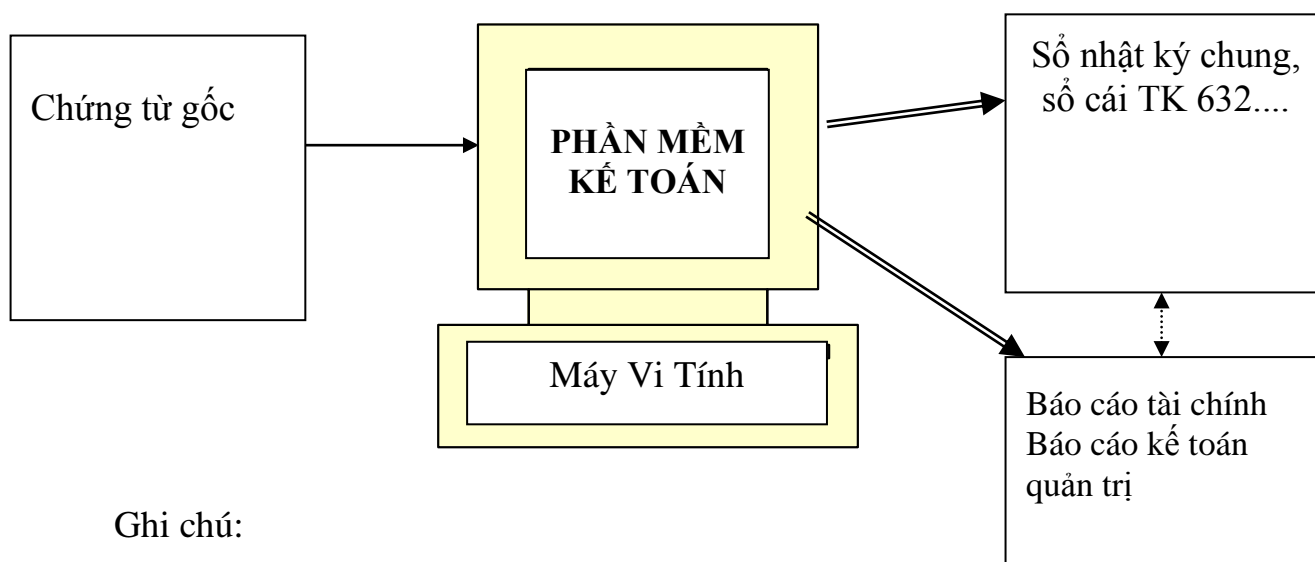
– Phiếu xuất kho.

❖ **Tài khoản sử dụng**

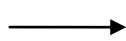
Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

❖ **Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán**

Biểu số 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán công ty TNHH may Việt Hàn



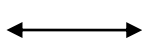
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In báo cáo cuối tháng, quý, năm



Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa: Ngày 31/03/2013 kê toán tiền hành tính giá vốn thành phẩm cho hóa đơn số 000232, hóa đơn 0000232 được phát hành cho công ty suhyang trên cơ sở hợp đồng gia công 02/SY-GV/013 ngày 20/11/2012.

Ngày 31/03/2013 kê toán tính giá vốn cho hóa đơn 0000232 trên Excel. Sau đó cập nhật giá vốn vào phần mềm. Kế toán chọn phân hệ “Tổng hợp” >>”Phiếu khác”

Ngày	Số	Tiền	Ngày	Số	Mã tậ	VND
31/03	126	10 245 375.00	31/03/2013	126	VND	1.00

Ps	Tk	Nguyên tậ	Thành tậ	Đối tượ	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	632	10 245 375.00	10 245 375				Giá vốn cho hóa đơn 0000232
C	155	10 245 375.00	10 245 375				Giá vốn cho hóa đơn 0000232

Chi phí không hợp lệ	0	Phát sinh nợ	10 245 375.00
Doanh thu chưa hạch toán	0	Phát sinh có	10 245 375.00

Buttons: Thêm, Sửa, Xóa, Xem ghiếu, In phiếu, Lưu, Hủy, Lọc, Quay ra

Sau khi cập nhật đầy đủ thông tin vào phiếu kê toán chọn “Lưu” số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan.

Biểu số 15: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
HĐ	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang			
			Phải thu khách hàng	131SHY	14.459.305	
			Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	51121		14.459.305
					
PK	126	31/03	Giá vốn hàng bán hóa đơn 0000232	632	10.245.375	
			Thành phẩm	155		10.245.375
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 16: Trích sổ cái tài khoản 632 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
31/03	PK	126	31/03	Thành phẩm	155	10.245.375	
						
30/09	PK	776	30/09	Thành phẩm	155	4.861.362.134	
						
30/11	PK	838	30/11	Thành phẩm	155	29.365.165	
						
31/12	PK	942	31/12	K/C Giá vốn hàng bán	9111		54 130 005 783
				Cộng PS trong kỳ:		54 130 005 783	54 130 005 783
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

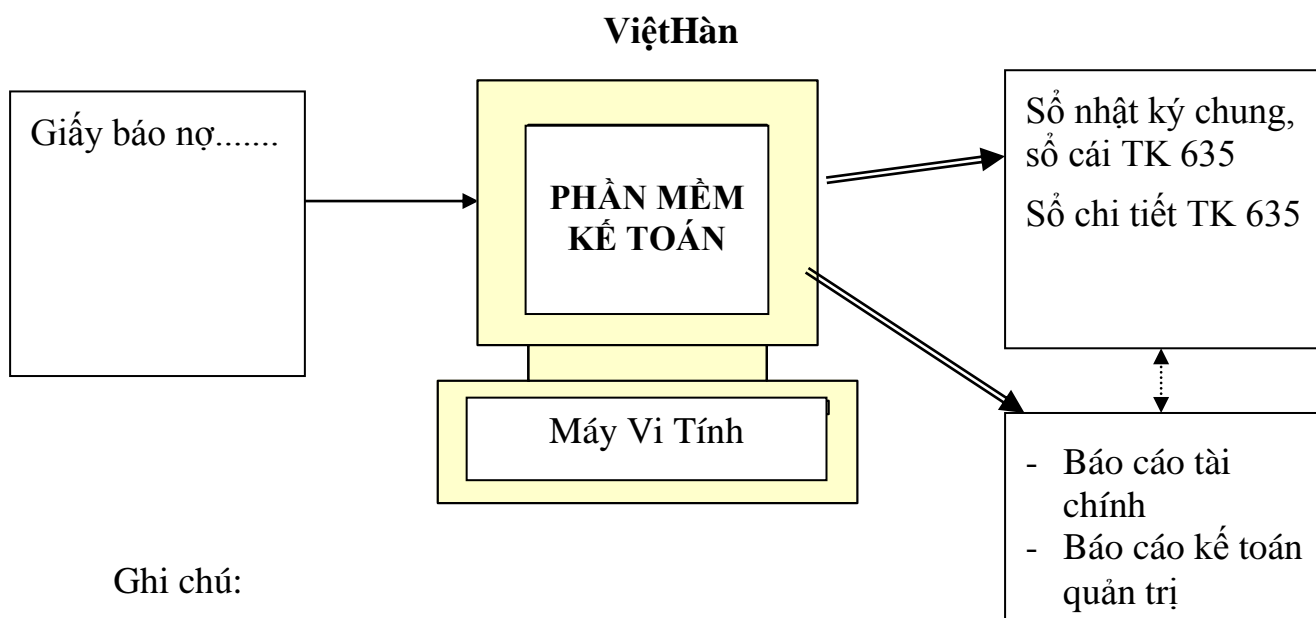
635: Chi phí tài chính

Gồm 2 tài khoản cấp 2

- 6354: Lãi tiền vay
- 6356: lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH may



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa: Ngày 31/05/2013 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng TMCP Quân Đội về lãi vay tháng 5 số tiền là 35.256.858 đồng

Biểu số 17 : Giấy báo nợ

Ngân hàng TMCP Quân Đội Đơn vị: Chi nhánh Bắc Hải MST: 0200124891-020	GIẤY BÁO NỢ	Liên 2: Giao khách hàng Số/seq no 000295 Ngày 31/05/2013
Tài khoản: 4311 01 00174 01 Tên công ty: Công ty TNHH may Việt Hàn		
Kính gửi	Ngân hàng TMCP Quân Đội xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của khách hàng được ghi nợ như sau	
Diễn giải: Lãi vay ngắn hạn tháng 5	Số tiền	
02001348111 35.256.858 VNĐ 0 0 35.256.858		
MG 034018 034-2-121218-00015 Công ty TNHH may Việt Hàn CR:35.256.858		
Người lập <i>Nhân viên giao dịch</i>	Kiểm soát <i>Cán bộ kiểm soát giao dịch</i>	Giám đốc

Căn cứ giấy báo nợ của ngân hàng TMCP Quân Đội kê toán vào phân hệ “Tiền” chọn “Báo nợ” để cập nhật số liệu vào báo nợ ngân hàng.

Giao diện giấy báo nợ trên phần mềm

Sau khi nhập đầy đủ thông tin vào báo nợ nhấn “lưu” số liệu tự động chuyển sang sổ sách liên quan.

Biểu số 18: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
HD	232	19/03	Bán thành phẩm cho công ty Suhyang			
			Phải thu khách hàng	131SHY	14.459.305	
			Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	51121		14.459.305
					
BN	345	31/05	Thanh toán lãi vay ngắn hạn ngân hàng MB tháng 5			
			Lãi vay ngắn hạn MB	6354	35.256.858	
			Tiền gửi Việt Nam	1121MB		35.256.858
					
PC	435	15/10	Cước viên thông tháng 9	642	119.821	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	11.982	
			TT tiền cước viên thông tháng 9	111		131.803
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích sổ cái tài khoản 635 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: TK 635

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ:			0
				Số PS trong kỳ:			
						
31/05	BN	345	31/05	Lãi tiền vay ngắn hạn MB tháng 5/2013	1121MB	35.256.858	
						
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính TK 6354	9112		579 082 300
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính TK 6356	9112		1 849 165 109
				Cộng PS trong kỳ:		2 428 247 409	2 428 247 409
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 20: Sổ chi tiết tài khoản 6354 năm 2013 công ty TNHH may

Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản Chi phí hoạt động tài chính – lãi tiền vay

Số hiệu: TK 6354

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
31/03	BN	167	31/03	Lãi vay ngắn hạn ngân hàng MB tháng 3/2013	1121	28.675.348	
						
31/05	BN	345		Lãi tiền vay ngắn hạn MB tháng 5/2013	1121MB	35.256.858	
						
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí tài chính TK 6354	9112		579.082.300
				Cộng PS trong kỳ:		579.082.300	579.082.300
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ,.....

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 641 – Chi phí bán hàng.

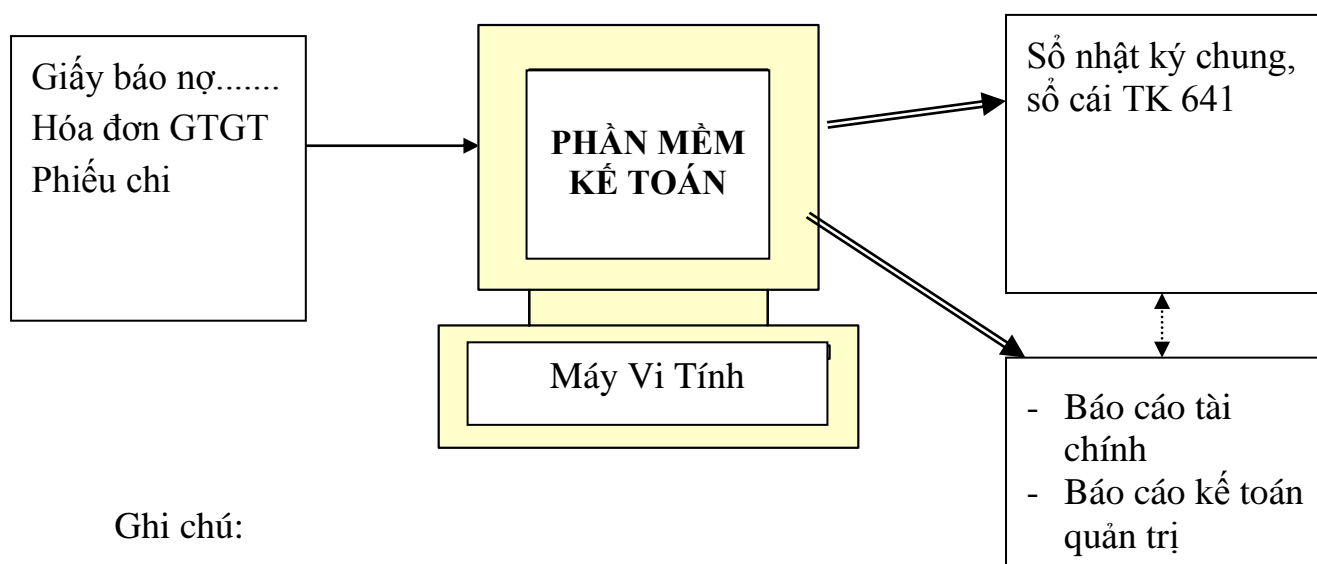
Tài khoản cấp 2:

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH may Việt - Hàn



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ minh họa: ngày 06/05/2013 công ty thuê công ty Cổ phần thương mại vận tải Hải Phòng vận chuyển lô hàng hóa ra cảng với số tiền 6.500.000, thuế GTGT 10%.

Biểu số 21: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: TL/12P		
<i>Liên 2 giao khách hàng</i>			Số: 0000372		
<i>Ngày 06/05/2013</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hải Phòng					
Mã số thuế: 0 2 0 0 5 5 0 4 8 0					
Địa chỉ: Số 7 Lô 4 PG An Đồng, An Dương, Tp. Hải Phòng					
Điện thoại: (031) 3537088, Fax: (031) 3537088 2112211003216 Ngân hàng NN & PTNT - CN Lê Chân					
Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH May Việt Hàn					
Mã số thuế: 0 2 0 0 5 6 1 8 1 3					
Địa chỉ : Xã Đại Đồng huyện Kiến Thụy TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán....TM....số tài khoản.....					
STT	Tên Hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển			5.909.091	5.909.091
Cộng tiền hàng:					5.909.091 đ
Thuế suất thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT: 590.909 đ
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.500.000 đ
<i>Số tiền ghi bằng chữ: Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	

Căn cứ vào hóa đơn 0000372 kế toán tiến hành nhập số liệu. Trên phần mềm kế toán vào phân hệ Tiền>>“Phiếu chi” để cập nhật thông tin vào phần mềm

Sau khi nhập số liệu xong nhấn “Lưu” số liệu tự động chuyển sang sổ sách liên quan. Để in phiếu chi kế toán nhấn “F7”

Biểu số 22: Phiếu chi

Công ty TNHH May Việt Hàn		Mẫu số: 02-TT (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Số:..211...		
Ngày 06 tháng 05 năm 2013		Nợ:....6417,133		
		Có:....1111		
Họ tên người nhận tiền: Trần thị Hà				
Địa chỉ: Phòng kế toán				
Lý do chi: thanh toán cước vận chuyển hàng ra cảng				
Số tiền: 6.500.000 (viết bằng chữ): Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn				
Chứng từ kèm theo:..01...		chứng từ gốc		
Ngày 06 tháng 05 năm 2013				
Giám đốc <i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>

Biểu số 23: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
PC	211	06/05	Thanh toán tiền vận chuyển hàng ra cảng cho Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hải Phòng			
			Chi phí vận chuyển	6417	5.909.091	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	590.909	
			Tiền mặt	1111		6.500.000
					
PC	435	15/10	Cước viên thông tháng 9	642	119.821	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	11.982	
			TT tiền cước viên thông tháng 9	111		131.803
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 24: Trích sổ cái tài khoản 641 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
06/05	PC	211	06/05	Chi phí vận chuyển	111	5.909.091	
						
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng TK 6417	9111		2 840 572 840
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng TK 6418	9111		4 029 774 650
				Cộng PS trong kỳ:		6 870 347 490	6 870 347 490
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 25: Sổ chi tiết tài khoản 6417 năm 2013 công ty TNHH may Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng – chi phí dịch vụ mua ngoài

Số hiệu: TK 6417

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
06/05	PC	211	06/05	Chi phí vận chuyển	111	5.909.091	
						
28/06	PC	285	28/06	Chi phí vận chuyển	111	7.031.765	
						
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng TK 6417			2.840.572.840
				Cộng PS trong kỳ:		2.840.572.840	2.840.572.840
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ, , phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích và phân bổ khấu hao
-

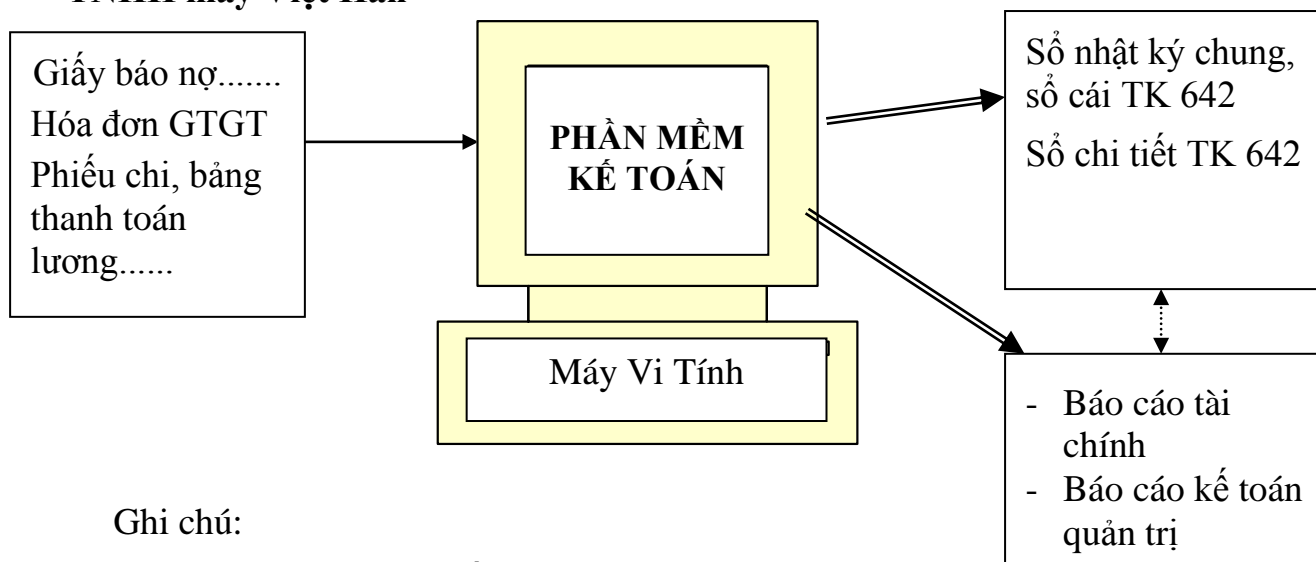
❖ **Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH may Việt Hàn



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Căn cứ vào hóa đơn 0000207 kê toán cập nhập số liệu vào phần mềm bằng cách vào phân hệ “Tiền” chọn phiếu chi.

Ngày	Số	Tiền
24/05	246	3 643 000.00

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	6428	3 311 818.00	3 311 818			TKH	Thanh toán chi phí tiếp khách
N	1331	331 182.00	331 182				Thanh toán chi phí tiếp khách
C	1111	3 643 000.00	3 643 000				Thanh toán chi phí tiếp khách

Sau khi nhập đầy đủ thông tin kê toán ấn “lưu”, số liệu sẽ tự động cập nhật sang các sổ liên quan.

Biểu số 27: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
PC	211	06/05	Chi phí vận chuyển	6417	5.909.091	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	590.909	
			Tiền mặt	111		6.500.000
PC	246	24/05	Tiếp khách	6428	3.311.818	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	331.182	
			Tiền mặt	111		3.643.000
					
PC	435	15/10	Cước viên thông tháng 9	642	119.821	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	11.982	
			TT tiền cước viên thông tháng 9	111		131.803
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 28: Trích sổ cái tài khoản 642 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
24/05	PC	246	24/05	Tiếp khách	1111	3.311.818	
						
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6421	9111		4 631 402 130
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6422	9111		14 600 000
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6423	9111		171 264 104
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6424	9111		175 707 842
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6425	9111		174 127 430
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6426	9111		633 908 702
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6427	9111		1 530 263 977
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí QLDN TK 6428	9111		5 709 251 350
				Cộng PS trong kỳ:		13 040 525 535	13 040 525 535
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Sổ chi tiết tài khoản 6428 năm 2013 công ty TNHH may

Việt Hàn

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp – chi phí khác bằng tiền

Số hiệu: TK 6428

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
24/05	PC	246	24/05	Tiếp khách	1111	3.311.818	
						
31/12	PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN Tài khoản 6428	9111		5 709 251 350
				Cộng PS trong kỳ:		5 709 251 350	5 709 251 350
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý
- Các chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng:**

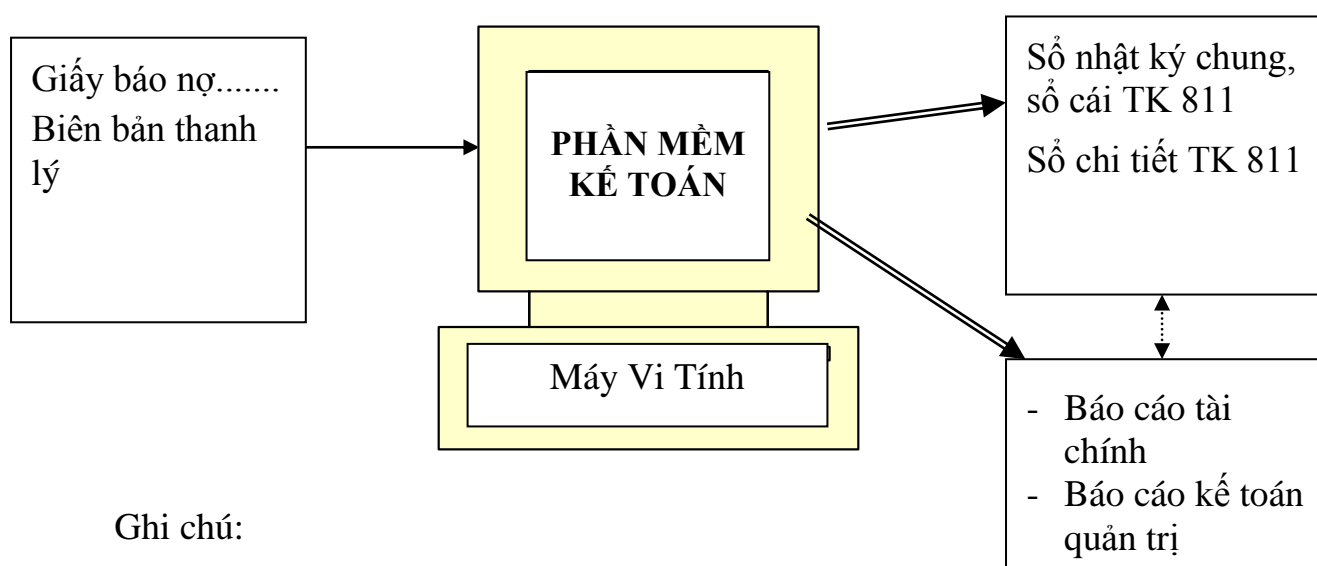
- TK 811: “Chi phí khác”

Tài khoản cấp 2

- TK 8111: Chi phí về thanh lý nhượng bán TSCĐ
- TK 8112: Chi tiền vi phạm hợp đồng
- TK 8118: Chi bất thường khác

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty TNHH may Việt Hàn



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In báo cáo cuối tháng, quý, năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: Ngày 23/02/2013 nhượng bán xe ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662 cho ông Lê Văn Dũng với số tiền 115.000.000 đồng

Biểu mẫu 30: Biên bản thanh lý tài sản cố định

Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ: Đại Đồng- Kiến Thụy – Hải Phòng

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 151

Căn cứ quyết định ngày 17/01/2013 của tổng giám đốc về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: Hà Văn Linh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Văn Trung

Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch

Bà: Vũ Thị Diệu Linh

Chức vụ: Phòng nhân sự

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

Tên: ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662

Năm đưa vào sử dụng 2009

Nguyên giá TSCĐ 539.992.513

Giá trị hao mòn tính đến thời điểm thanh lý 429.399.279

Giá trị TSCĐ còn lại 110.593.234

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Quyết định thanh lý xe ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662

Cho ông Lê Văn Dũng

Địa chỉ : Lê Lai- Hải Phòng

Ngày 23 tháng 02 năm 2013

Trưởng ban thanh lý

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 (viết bằng chữ) Không

Giá trị thu hồi: 115.000.000 (viết bằng chữ) Một trăm mười lăm triệu đồng

Đã ghi giảm TSCĐ ngày 23/02/2013

Ngày 23 tháng 02 năm 2013

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Căn cứ vào biên bảo thanh lý kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Kế toán vào phân hệ “Tổng hợp” chọn phiếu khác nhấn “Thêm” để thêm phiếu kế toán.

Giao diện phần mềm

Sau khi nhập xong số liệu kế toán ấn “Lưu” số liệu sẽ tự động chuyển sang các sổ sách liên quan.

Biểu số 31: Trích sổ nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:			
					
PK	99	23/02	Thanh lý ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662			
			Chi phí khác về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8111	110.593.234	
			Khấu hao tài sản cố định	2141	429.399.279	
			Nguyên giá TSCĐ	2113		539.992.513
					
PC	435	15/10	Cước viễn thông tháng 9	642	119.821	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	11.982	
			TT tiền cước viễn thông tháng 9	111		131.803
					
			Cộng phát sinh		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 32: Trích sổ cái tài khoản 811 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: TK 811

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
23/02	PK	99	23/02	Thanh lý ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662			
				TSCĐ vận tải truyền dẫn	2113	110.593.234	
						
31/12	PK	942	31/12	K/C Chi phí khác TK 811.1	9113		113 681 521
31/12	PK	942	31/12	K/C Chi phí khác TK 811.2	9113		4 906 855
31/12	PK	942	31/12	K/C Chi phí khác TK 811.8	9113		60 907 717
				Cộng PS trong kỳ:		179 496 093	179 496 093
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 33: Trích sổ chi tiết tài khoản 8111 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Chi phí khác – thanh lý nhượng bán TSCĐ

Số hiệu: TK 8111

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
23/02	PK	99	23/02	Thanh lý ô tô Ford Mondeo, màu đen Số khung: RB44T01662 Số máy: JBB4T01662			
				TSCĐ vận tải truyền dẫn	2113	110.593.234	
31/12	PK	942	31/12	K/C chi phí khác TK 811.1	9111		113 681 521
				Cộng PS trong kỳ:		113 681 521	113 681 521
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ – CP ngày 14/02/2007 quy định chi tiết thi hành luật thuế TNDN. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi công ty có lãi và được giảm 50% số thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo. Thuế TNDN hàng năm = 10% lợi nhuận thu được trong suốt thời hạn thực hiện dự án. Tính từ thời điểm chuyển đổi cơ cấu 08 tháng 10 năm 2010. Do đó năm 2013 công ty không phải nộp thuế TNDN.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản sử dụng: TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này được công ty mở các TK cấp 2

TK 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TK 9112: Kết quả hoạt động tài chính

TK 9113: Kết quả hoạt động khác

TK 421 Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản cấp 2

TK 4211 lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212 Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

Cuối năm kế toán tổng hợp vào phân hệ “Tổng Hợp” -> “Bút toán khóa sổ” để kết chuyển tổng số phát sinh của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2013 kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH may Việt Hàn.

Để thực hiện bút toán kết chuyển kế toán chọn phân hệ “Tổng hợp” >> “Bút toán khóa sổ”



Để thực hiện bút toán kết chuyển tự động kế toán chọn bút toán kết chuyển bằng cách gõ phím Spacebar sau đó ấn F10 để thực hiện kết chuyển tự động.

Giao diện thực hiện kết chuyển tự động

Số TT	Tờ đi	Tờ đến	Diễn giải	Chọn
01	521	5111	Các khoản giảm trừ doanh thu	x
02	515	9112	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	x
03	511	9111	Kết chuyển doanh thu bán hàng	x
04	632	9111	Kết chuyển giá vốn	x
06	6421	911	Kết chuyển chi phí bán hàng	x
07	642	9111	Kết chuyển chi phí kinh doanh	x
08	711	9111	Kết chuyển thu nhập khác	x
09	811	9111	Kết chuyển chi phí khác	x
10	821	9111	Thuế TNDN	x
11	9111	4212	Kết chuyển lợi nhuận	x
12	635	9112	Kết chuyển chi phí tài chính	x
13	9112	4212	Kết chuyển chi phí tài chính	x

Sau đó số liệu tự động chuyển sang sổ sách liên quan

Biểu số 34: Trích nhật ký chung 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
 Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
					
PK	941	31/12	Kết chuyển doanh thu			
			Doanh thu bán các thành phẩm-xuất khẩu	5112.1	74 218 982 424	
			Doanh thu bán các thành phẩm-nội địa	5112.2	3 143 440 509	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		77 467 465293
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	6 870 347 490	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6417		2 840 572 840
			Chi phí bằng tiền khác	6418		4 029 774 650
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	13 040 525 535	
			Chi phí nhân viên quản lý	6421		4 631 402 130
			Chi phí vật liệu quản lý	6422		14 600 000
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423		171 264 104
			Chi phí khấu hao TSCĐ	6424		175 707 842
			Thuế, phí, lệ phí	6425		174 127 430
			Chi phí dự phòng	6426		633 908 702
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		1 530 263 977
			Chi phí bằng tiền khác	6428		5 709 251 350
PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính			
			Thu lãi tiền gửi	5154	14 830 652	
			Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5158	2 463 339 750	
			Kết quả hoạt động tài chính	9112		2 478 170 402
PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập bất thường			
			Thu nhập khác từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	7111	104 545 455	
			Thu nhập bất thường khác	7118	36 421 756	
			Kết quả hoạt động kinh doanh	9113		140 967 211
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			

			Kết quả hoạt động kinh doanh	9112	2 428 247 409	
			Lãi tiền vay	6354		579 082 300
			Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	6356		1 849 165 109
			Kết chuyển chi phí khác			
			Kết quả hoạt động kinh doanh	9113	179 496 093	
			Chi về nhượng bán thanh lý TSCĐ	8111		113 681 521
			Chi vi phạm hợp đồng kinh tế	8112		4 906 855
			Chi phí bất thường	8118		60 907 717
PK	942	31/12	Kết chuyển giá vốn			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	54 130 005 783	
			Giá vốn hàng bán của thành phẩm	632		54 130 005 783
PK	943	31/12	Kết chuyển lãi lỗ			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	3 426 586 485	
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		3 426 586 485
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	38 528 882	
			Kết quả hoạt động tài chính	9112		38 528 882
			Kết quả hoạt động khác	9113	49 922 994	
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		49 922 994
			Cộng chuyển trang sau		746 879 879 021	746 879 879 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 35: Trích sổ cái tài khoản 911 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
Địa chỉ: Đại Đông – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
					
PK	941	31/12	Doanh thu bán các thành phẩm-xuất khẩu	5111.1		74 218 982 424
PK	941	31/12	Doanh thu bán các thành phẩm-nội địa	5111.2		3 143 440 509
PK	942	31/12	Giá vốn hàng bán của thành phẩm	632	54 130 005 783	
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6417	2 840 572 840	
			Chi phí bằng tiền khác	6418	4 029 774 650	
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			
			Chi phí nhận viên quản lý	6421	4 631 402 130	
			Chi phí vật liệu quản lý	6422	14 600 000	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	171 264 104	
			Chi phí khấu hao TSCĐ	6424	175 707 842	
			Thuế, phí, lệ phí	6425	174 127 430	
			Chi phí dự phòng	6426	633 908 702	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	1 530 263 977	
			Chi phí bằng tiền khác	6428	5 709 251 350	
PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính			
			Thu lãi tiền gửi	5154		14 830 652
			Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5158		2 463 339 750
PK	941	31/12	Kết chuyển thu nhập bất thường			
			Thu nhập khác từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	7111		104 545 455
			Thu nhập bất thường khác	7118		36 421 756
PK	942	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			
			Lãi tiền vay	6354	579 082 300	
			Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	6356	1 849 165 109	

			Kết chuyển chi phí khác			
			Chi về nhượng bán thanh lý TSCĐ	8111	113 681 521	
			Chi vi phạm hợp đồng kinh tế	8112	4 906 855	
			Chi phí bất thường	8118	60 907 717	
			Kết chuyển lãi lỗ			
PK	943	31/12	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	3 426 586 485	
PK	943	31/12	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	49 922 993	
PK	943	31/12	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		38 528 882
			Cộng số phát sinh		87.922.622.745	87.922.622.745
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 36: Trích sổ cái tài khoản 421 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			2 299 171 860
PK	943	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối hoạt động sản xuất	9111		3 426 586 485
PK	943	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối hoạt động tài chính	9112		49 922 993
PK	943	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối hoạt động khác	9113	38 528 882	
			Cộng PS trong kỳ:		0	3 437 980 596
			Số dư cuối kỳ			5 737 152 456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 công ty TNHH May Việt Hàn

Công ty TNHH may Việt Hàn

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2013**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	77 467 465 293	70 362 422 933
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77 467 465 293	70 362 422 933
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	54 130 005 783	55 130 005 783
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23 337 459 510	15 232 417 150
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2 478 170 402	1 412 769 515
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	2 428 247 409	870 824 109
-Trong đó:Chi phí lãi vay	23		579 082 300	767 007 467
8.Chi phí bán hàng	24		6 870 347 490	870 347 490
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13 040 525 535	12 852 791 118
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3 476 509 478	2 501 223 948
11.Thu nhập khác	31		140 967 211	264 984 937
12.Chi phí khác	32		179 496 093	17 037 025
13.Lợi nhuận khác	40		(38 528 882)	247 947 912
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3 437 980 593	2 299 171 860
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3 437 980 593	2 299 171 860
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký,họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký,họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký,họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn

Trong nền kinh tế hiện nay sức cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng mạnh mẽ và gay gắt, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển đều phải tự tìm cho mình một phương hướng và cách hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường kinh doanh còn doanh nghiệp phải tự mình tìm thị trường để hoạt động

Trong quá trình phát triển Công ty đã có nhiều thay đổi cả về chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã nâng cấp sửa chữa nhà xưởng nhằm nâng cao sản lượng, đổi mới công tác quản lý nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên thích ứng với sự thay đổi mạnh mẽ của cơ chế thị trường. Vì vậy Công ty không những đứng vững mà ngày càng phát triển mạnh mẽ, tạo uy tín với khách hàng mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài của công ty.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu tổ chức kế toán tại công ty TNHH May Việt Hàn em có một số nhận xét như sau:

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH May Việt Hàn được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này là rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của Công ty.

Toàn bộ công việc như hạch toán ban đầu, việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán bằng phần mềm kế toán WEEKEND SQL 2.0. Như vậy kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán. Việc tập trung về một mối như vậy giúp cho việc tập hợp và cung cấp thông tin kế toán tài chính nhanh chóng, chính xác đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo.

Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản

Hệ thống tài khoản kế toán tại công ty áp dụng theo quyết định 15/2006 ban hành ngày 20/3/2006 của bộ tài chính, việc sử dụng tài khoản phù hợp với hệ thống tài khoản do bộ tài chính ban hành. Có sự sửa đổi bổ sung theo thông tư 244 ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

❖ Về hệ thống chứng từ

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ.

Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời đúng qui định.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Với việc áp dụng hình thức kế toán máy thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác.

Phần mềm kế toán của công ty được xây dựng theo hình thức Nhật Ký Chung phù hợp với chế độ kế toán quyết định 15/2006 ban hành ngày 20/3/2006 của bộ tài chính. Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên

quan. Cuối niên độ kế toán tiến hành in sổ sách kế toán và cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm .

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Hạn Chế

❖ Về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách kế toán

Về tài khoản sử dụng công ty chưa mở TK cấp 2 cho TK 632 để theo dõi giá vốn cho từng hoạt động.

Công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết tài cho tài khoản 632 dẫn tới không xác định được giá vốn hàng bán cho từng hoạt động xuất khẩu và nội địa, do đó không xác định được lợi nhuận gộp cho từng hoạt động. Điều này gây khó khăn cho lãnh đạo doanh nghiệp trong việc đưa ra quyết định quản trị.

❖ Xác định chính xác kết quả kinh doanh từng hoạt động

Công ty chưa xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động sản xuất, điều này gây khó khăn cho việc xác định hoạt động nào mang lại lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc ra quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp.

❖ Về chính sách bán hàng

- Công ty chưa áp dụng chính sách bán hàng một cách linh hoạt hơn như sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán tiền hàng

trước thời gian quy định trong hợp đồng. Điều này giúp công ty tăng doanh thu và thu hồi vốn nhanh, tăng tốc độ vòng quay vốn.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vì:

- Công tác này sẽ giúp cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý, giúp những nhà quản lý ra các quyết định một cách kịp thời và có hiệu quả hơn.

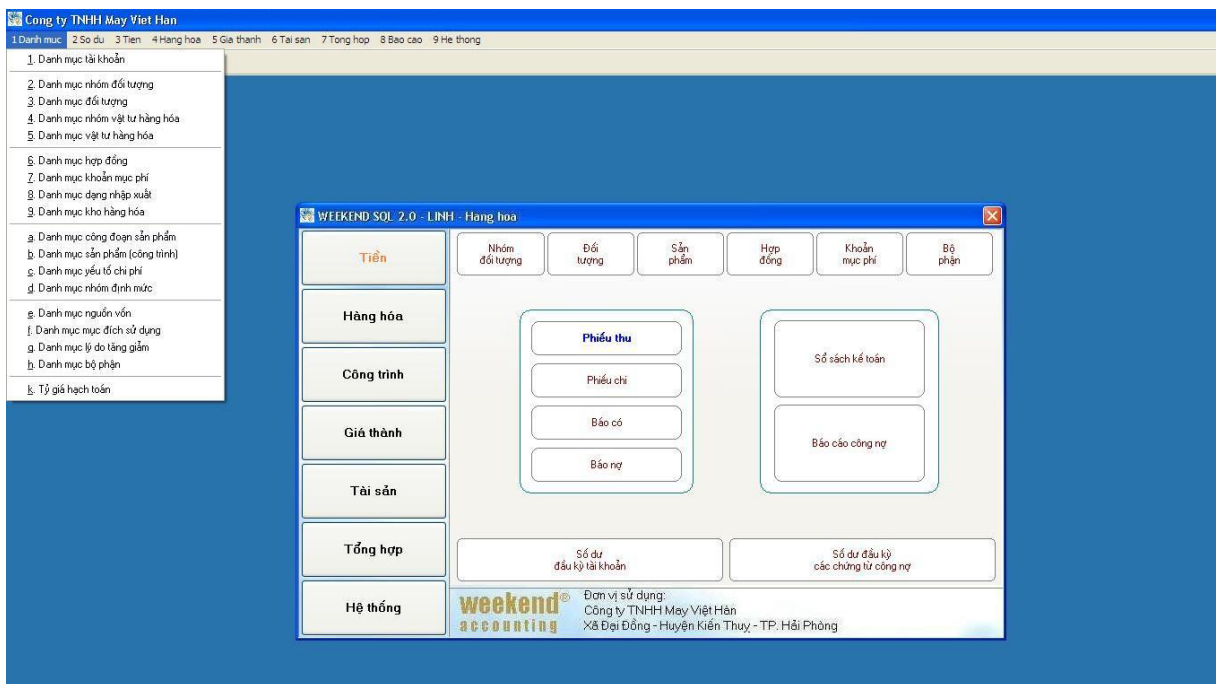
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Việt Hàn

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH May Việt Hàn

Công ty nên tiến hành mở tài khoản cấp 2 cho tài khoản 632, việc tiến hành mở tài khoản cấp 2 cho tài khoản 632 giúp doanh nghiệp theo dõi giá vốn hàng bán của thành của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Từ đó giúp công ty xác định lãi gộp cho từng hoạt động của doanh nghiệp giúp lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định tốt nhất cho doanh nghiệp.

- Tài khoản 6321 giá vốn hàng bán của thành phẩm_xuất khẩu
- Tài khoản 6322 giá vốn hàng bán của thành phẩm_nội địa

Để thực hiện mở tài khoản cấp 2 kế toán có thể thực hiện trên phần mềm như sau: Trên giao diện chương trình kế toán vào Danh mục chọn “Danh mục tài khoản”



Tk	Tên tài khoản	Tk mẹ	Tk NI	Tk Cn	Tk Gt	Tk Sc	Tk Km	Tk VAT	Cấp	Tên tài khoản tiếng Anh
611	Mua hàng					C			1	Cost for direct raw materials
6111	Mua nguyên liệu, vật liệu	611				C			2	Cost for direct raw materials
6112	Mua hàng hóa	611				C			2	Cost for direct raw materials
622	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					C			1	Cost for direct raw materials
622	Chi phí nhân công trực tiếp					C			1	Cost for direct labours
623	Chi phí sử dụng máy thi công					C			1	Expenses
6231	Chi phí nhân công	623							2	Indirect labour
6232	Chi phí vật liệu	623							2	Use of auxiliary materials
6233	Chi phí dụng cụ sản xuất									
6234	Chi phí khấu hao máy thi công									
6237	Chi phí dịch vụ mua ngoài									
6238	Chi phí bằng tiền khác									
627	Chi phí sản xuất chung									
6271	Chi phí nhân viên sản xuất									
6272	Chi phí vật liệu									
6273	Chi phí dụng cụ sản xuất									
6274	Chi phí khấu hao TSCĐ									
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài									
6278	Chi phí bằng tiền khác									
631	Giá thành sản xuất									
632	Giá vốn hàng bán									
6321	Giá vốn hàng bán của thành phẩm									
6321.1	Giá vốn hàng bán của thành phẩm xuất khẩu									
6322	Giá vốn hàng bán của thành phẩm									
6322.1	Giá vốn hàng bán của thành phẩm xuất khẩu									
635	Chi phí hoạt động tài chính									
6351	Chi về hoạt động góp vốn liên doanh	635							2	Expenses on joint-venture investment
6352	Chi về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán	635							2	Expenses on investment in securities
6353	Chi về cho thuê tài sản	635							2	Expenses on assets leasing
6354	Lãi tiền vay	635							2	Interest from borrowings
6355	Chiết khấu thanh toán	635							2	Sales discount
6356	Lỗ do bán ngoại tệ	635							2	Exchange loss
6358	Chi phí do các hoạt động đầu tư khác	635							2	Other investment activities costs
641	Chi phí bán hàng					C			1	Sales costs
6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài	641							2	External services
6418	Chi phí bằng tiền khác	641							2	Others by cash
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp					C			1	Enterprise administration expenses
6421	Chi phí nhân viên quản lý	642							2	Employees and managers
6422	Chi phí vật liệu quản lý	642							2	Administrative materials
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	642							2	Offices's equipments
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	642							2	Depreciation of fixed assets
6425	Thuế, phí và lệ phí	642							2	Taxes, fees and charges
6426	Chi phí dự phòng	642							2	Provisions

Thêm tài khoản

Tài khoản: 6321

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán của thành phẩm xuất khẩu

Tên tiếng Anh:

Tài khoản ngoại tệ: K-Không, N-Ng, C-Có, T-Tất cả

Tài khoản công nợ: K

Tài khoản giá thành: K

Tài khoản số cái: K

Tài khoản khoản mục: K

Tài khoản thuế VAT: K

Tài khoản mẹ: 632 Giá vốn hàng bán của thành phẩm

Phân loại:

Chấp nhận Hủy bỏ

ấn F2 để thêm tài khoản. Tại “Tài khoản” chọn 6321 tên tài khoản chọn “Giá vốn hàng bán của thành phẩm xuất khẩu”, tại “Tài khoản mẹ” chọn 632 ấn chấp nhận để hoàn thành

3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty TNHH may Việt Hàn
 Công ty nên tiến hành mở thêm sổ chi tiết cho tài khoản 632 theo mẫu số S38-DN của bộ tài chính ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

Để tiến hành mở sổ chi tiết tài khoản trên phần mềm kế toán thực hiện thao tác như sau: Chọn phân hệ “Tổng hợp” từ giao diện chính của phần mềm>>chọn sổ sách báo cáo

WEEKEND SQL 2.0 - LINH - Tổng hợp

Tiền

Hàng hóa

Công trình

Giá thành

Tài sản

Tổng hợp

Hệ thống

Tài khoản

Phiếu khác

Hóa đơn hủy

Bổ sung hóa đơn

Chứng từ ngoài bảng

Tỷ giá hạch toán

Sổ sách kế toán

Báo cáo công nợ

Báo cáo tài sản cố định

Báo cáo chi phí giá thành

Báo cáo vật tư hàng hóa

Báo cáo thuế

Báo cáo quyết toán

Báo cáo quản trị

Số dư đầu kỳ tài khoản ngoài bảng

Bút toán khóa sổ

Kiểm tra số liệu

weekend accounting Đơn vị sử dụng: Công ty TNHH May Việt Hàn
 Xã Đại Đồng - Huyện Kiến Thụy - TP. Hải Phòng

Tiếp theo chọn mục “Sổ chi tiết tài khoản” >> nhấn “Thực hiện” tại mục tài khoản chọn 6321, mục từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 nhấn chấp nhận

Tk	Tên tài khoản	Tk mẹ	Tk Nl	Tk Cn	Tk Gt	Tk Sc	Tk Km	Tk VAT	Cấp	Tên tài khoản tiếng Anh
3336	Thuế tài nguyên	333				C			2	Natural resource tax
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	333				C			2	Land and house tax, land lease charges
33371	Thuế nhà đất	3337				C			3	Land and house tax
33372	Tiền thuê đất	3337				C			3	Land lease charges
3338	Các loại thuế khác	333				C			2	Other taxes
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	333				C			2	Fees and other payables
33391	Các khoản phụ thu	3339				C			3	Fees and other payables
33392	Các khoản lệ phí	3339				C			3	Fees and other payables
33393	Các khoản phải nộp khác	3339				C			3	Fees and other payables
334	Phải trả người lao động					C			1	Payable to expenses
3341	Phải trả công nhân viên	3341				C			2	Payable to expenses
3342	Phải trả lao động khác	3341				C			2	Other payable to expenses
335	Chi phí phải trả					C			2	Payable expenses
336	Phải trả nội bộ					C			2	Internal payables
337	Thanh toán theo tiến độ					C			2	Internal payables
338	Phải trả và phải thu					C				Other payables
3381	Tài sản thừa chờ phân bổ					C				Pending assets
3382	Kinh phí công đoàn					C				Trade Union fees
3383	Bảo hiểm xã hội					C				Social insurance
3384	Bảo hiểm y tế					C				Health insurance
3385	Phải trả về cổ phần					C				Health insurance
3386	Nhận ký quỹ, ký cược					C				Health insurance
3387	Doanh thu chưa thu					C				Unearned revenue account
3388	Phải trả, phải nộp khác					C				Others payable
3389	Bảo hiểm thất nghiệp					C				Unemployment Insurance
341	Vay dài hạn					C				Long-term borrowings
342	Nợ dài hạn					C				Long-term lpsmd
343	Trái phiếu phát hành					C				Long-term lpsmd
3431	Mệnh giá trái phiếu					C				Long-term lpsmd
3432	Chiết khấu trái phiếu					C				Long-term lpsmd
3433	Phụ trội trái phiếu	343				C			2	Long-term lpsmd
344	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn					C				Receipts of long-term collateral and deposit
347	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả					C				---
351	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm					C			1	Unemployment reserved fund
352	Dự phòng phải trả					C			1	Reserved payables
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi					C			1	Welfare and Reward funds
3531	Quỹ khen thưởng	353				C			2	Reward fund
3532	Quỹ phúc lợi	353				C			2	Welfare fund

Thêm tài khoản

Tài khoản: 6321

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán của thành phẩm

Tên tiếng Anh: Original price of goods for sale

Tài khoản ngoại lệ: K K-Không, N-Nợ, C-Có, T-Tải cả

Tài khoản công nợ: K

Tài khoản giá thành: K

Tài khoản số cái: K

Tài khoản khoản mục: K

Tài khoản thuế VAT: K

Tài khoản mẹ: 632 Giá vốn hàng bán

Phân loại:

Đề in sổ chi tiết nhấn F7 để thoát nhấn ESC

Biểu số 38: Sổ chi tiết tài khoản 6321.1

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn
 Địa chỉ: Đại Đồng – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán của thành phẩm_xuất khẩu

Số hiệu: TK 6321

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Mã	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu kì:			0
				Số PS trong kì:			
						
31/03	PK	126	31/03	Giá vốn hàng bán cho hóa đơn 0000232 công ty Suhyang	155	10.245.375	
						
30/06	PK	512	30/06	Giá vốn hàng bán cho công ty hyung	155	365.457.562	
						
				Cộng PS trong kỳ:			
				Số dư cuối kì			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2.3. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động tại công ty TNHH may ViệtHàn

Hiện tại công ty có 2 hoạt động chính là gia công hàng xuất khẩu và gia công hàng nội địa, việc hạch toán doanh thu đã thực hiện phân loại chi tiết doanh thu hàng xuất khẩu và gia công hàng nội địa, song việc xác định giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng chi phí quản lý doanh nghiệp công ty vẫn chưa thực theo dõi chi tiết cho từng hoạt động. Với giải pháp tại mục 3.2.2.2 em đã đề xuất công ty nên mở sổ chi tiết cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn cho từng hoạt động.

Còn đối với chi phí bán hàng (TK 641) và chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) công ty nên thực hiện phân bổ theo doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Công thức phân bổ

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLDN (BH)} \\ \text{cho thành phẩm xuất} \\ \text{khẩu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{QLDN (BH)} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Doanh thu thành phẩm} \\ \text{xuất khẩu (nội địa)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu công ty} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

Ví dụ: Phân bổ chi phí QLDN cho thành phẩm xuất khẩu năm 2013

Căn cứ số liệu năm 2013 của công ty TNHH may Việt Hàn áp dụng công thức phân bổ ta có

$$\begin{aligned} \text{Chi phí QLDN cho} \\ \text{thành phẩm xuất khẩu} &= 13.040.525.535(VND) \times \frac{74.218.982.424 (VND)}{77.476.465.293(VND)} \\ &= 12.492.239.182,85 (VND) \end{aligned}$$

Chi phí quản lý

$$\begin{aligned} \text{doanh nghiệp cho} \\ \text{thành phẩm nội địa} &= 13.040.525.535(VND) - 12.492.239.182,85 (VND) \\ &= 548.286.352,15 VND \end{aligned}$$

Kế toán tiến hành phân bổ chi phí bán hàng tương tự chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán tập hợp doanh thu chi phí theo từng hoạt động nhằm xác định lợi nhuận từng hoạt động giúp nhà quản lý đưa ra quyết định chính xác .

Công thức xác định lợi nhuận từng hoạt động.

$$\text{Lợi nhuận từng hoạt động} = \text{Doanh thu từng hoạt động} - \text{Giá vốn hàng bán từng hoạt động} - \text{Chi phí bán hàng, chi phí QLDN phân bổ cho từng hoạt động}$$

Biểu số 39 :Bảng xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động của công ty TNHH may Việt Hàn

Hoạt động	Doanh thu	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Lợi nhuận
A	B	C	D	E	F=B-(C+D+E)
Gia công hàng xuất khẩu					
Gia công hàng nội địa					

3.2.2.4. Sử dụng chính sách bán hàng tại Công ty TNHH May Việt Hàn

Công ty cũng nên sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời gian quy định trong hợp đồng. Điều này tuy làm tăng chi phí cho Công ty nhưng lại giúp công ty thu hồi vốn nhanh, tăng tốc độ vòng quay vốn. Để xác định được tỷ lệ chiết khấu một cách hợp lý cần phải đặt trong mối quan hệ với lãi suất ngân hàng có nghĩa là tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải lớn hơn lãi suất tiền gửi và nhỏ hơn lãi suất tiền vay ngân hàng. Về hạch toán, các khoản chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 – “Chi phí tài chính”.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,..., được xác định là tiêu thụ.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Trong kỳ, khi phát sinh các khoản chiết khấu thanh toán, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635:

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thanh toán cho người mua phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911:

Có TK 635:

3.2.2.5. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 40. Sổ giao nhận chứng từ

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ: Xã Đại Đồng-Kiến Thụy- TP Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Ngày...tháng...năm...

KẾT LUẬN

Trải qua thời gian xây dựng và phát triển, Công ty TNHH may Việt Hàn đã đạt được rất nhiều thành công đáng khích lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã dần đi vào quỹ đạo vận hành của nền kinh tế thị trường. Thương hiệu của công ty đã có được uy tín với các đối tác chủ yếu ở các thị trường lớn yêu cầu chất lượng khắt khe như Mỹ và thị trường Châu Âu. Những thành công của công ty ngày hôm nay là có một phần đóng góp không nhỏ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH May Việt Hàn, được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, cùng các anh chị trong phòng Kế toán của công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Qua đó, em nhận thấy việc thực hiện tổ chức kế toán phần hành này tại công ty là khá tốt. Mặc dù còn một vài điểm thiếu sót nhưng em tin chắc rằng với sự năng động, sáng tạo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao của các nhân viên kế toán tại công ty thì công tác kế toán nói chung tại công ty và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty sẽ ngày càng được hoàn thiện hơn.

Trên đây là kết quả sau thời gian em thực tập tại công ty TNHH May Việt Hàn. Tuy nhiên do thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế không nhiều và kiến thức vẫn nằm trong khuôn khổ nhất định nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 27 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Đoàn Sơn Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*

5. Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh – *Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kế*

6. Chuẩn mực kế toán Việt Nam – *websise: www. google.com*

Websise: Ketoanvietnam.com

7. Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam

PGS.TS. Đào Văn Tài

TS. Võ Văn Nhị

Trần Anh Hoa